

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Ngân
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ngô Thị Thanh Huyền

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN
CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN
PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG
TRUNG XUYÊN.**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Hoàng Thị Ngân
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ngô Thị Thanh Huyền**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Ngân

Mã SV:110688

Lớp: QT1104K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.
 - Tìm hiểu thực tế công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị thực tập.
 - Đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như trong công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác kế toán nói chung cũng như trong công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Suu tầm và lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm năm 2010 tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.
 - Số liệu về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ngô Thị Thanh Huyền

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường trung cấp nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 09 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 28 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

ThS. Ngô Thị Thanh Huyền

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến đề tài tốt nghiệp.
- Có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận.
- Luôn đảm bảo tiến độ và nội dung nghiên cứu của đề tài theo thời gian giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Luận văn tốt nghiệp có bố cục trình bày khoa học, hợp lý.
- Đã khái quát hóa lý luận cơ bản về công tác kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.
- Nắm bắt được thực tế công tác kế toán nói chung của đơn vị thực tập.
- Đã phản ánh được quy trình cụ thể về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị thực tập.
- Những số liệu minh họa trong khóa luận đã có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tin cậy cao.
- Đã đề xuất được một số biện pháp giúp đơn vị thực tập hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Điểm bằng số:

Điểm bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

ThS. Ngô Thị Thanh Huyền

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	12
PHẦN I	14
MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM.....	14
1. Khái quát chung về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	14
<i>1.1. Chi phí sản xuất và các cách phân loại chi phí.</i>	<i>14</i>
<i>1.1.1. Khái niệm, bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.</i>	<i>14</i>
<i>1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất.</i>	<i>15</i>
<i>1.1.2.1. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí (theo nội dung, tính chất của chi phí).</i>	<i>15</i>
<i>1.1.2.2. Phân theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm (theo mục đích, công dụng của chi phí).....</i>	<i>16</i>
<i>1.1.2.3. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với quá trình sản xuất kinh doanh.....</i>	<i>17</i>
<i>1.1.2.4. Phân loại chi phí theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành.....</i>	<i>18</i>
2. Giá thành sản phẩm xây lắp và các loại giá thành.	19
<i>2.1 Khái niệm, bản chất và nội dung kinh tế của giá thành sản phẩm xây lắp.</i>	<i>19</i>
<i>2.2. Phân loại giá thành.</i>	<i>20</i>
<i>2.2.1. Phân loại giá thành theo thời điểm và cơ sở dữ liệu tính giá thành.</i>	<i>20</i>
<i>2.2.2. Phân loại giá thành theo phạm vi phát sinh chi phí.</i>	<i>20</i>
3. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành.....	21
<i>3.1. Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.....</i>	<i>21</i>
<i>3.2. Đối tượng tính giá thành.</i>	<i>22</i>
4. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, ý nghĩa của việc tính đúng, đủ giá thành.	22
<i>4.1. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....</i>	<i>22</i>
<i>4.2. Ý nghĩa của việc tính đúng, tính đủ giá thành.</i>	<i>23</i>
5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	24
<i>5.1. Đặc điểm kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.</i>	<i>24</i>
<i>5.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....</i>	<i>26</i>
<i>5.2.1. Các bước hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.</i>	<i>26</i>
<i>5.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.</i>	<i>26</i>
<i>5.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....</i>	<i>28</i>
<i>5.2.3.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....</i>	<i>28</i>
<i>5.2.3.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.</i>	<i>30</i>

5.2.3.3. <i>Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công.</i>	31
5.2.3.4. <i>Hạch toán chi phí sản xuất chung.</i>	34
5.2.3.5. <i>Kế toán tập hợp chi phí sản xuất cho toàn doanh nghiệp.</i>	36
5.3. <i>Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.</i>	36
5.4. <i>Các phương pháp tính giá thành chủ yếu.</i>	37
5.4.1. <i>Kỳ tính giá thành.</i>	37
5.4.2. <i>Các phương pháp tính giá thành.</i>	38
5.4.2.1. <i>Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp trực tiếp).</i>	38
5.4.2.2. <i>Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng.</i>	38
5.4.2.3. <i>Phương pháp tổng cộng chi phí.</i>	38
5.4.2.4. <i>Phương pháp định mức.</i>	39
5.5. <i>Hạch toán hoạt động xây lắp theo phương thức khoán gọn.</i>	39
5.5.1. <i>Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng</i>	40
5.5.2. <i>Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng.</i>	40
5.5.2.1. <i>Hạch toán tại đơn vị giao khoán.</i>	40
5.5.2.2. <i>Hạch toán tại đơn vị nhận khoán.</i>	41
5.6. <i>Tổ chức sổ sách kế toán trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành.</i>	41
5.6.1. <i>Hình thức nhật ký sổ cái.</i>	42
5.6.2. <i>Hình thức nhật ký chung.</i>	42
5.6.3. <i>Hình thức chứng từ ghi sổ.</i>	42
5.6.4. <i>Hình thức nhật ký – chứng từ.</i>	43
PHẦN II	44
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH	44
KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TRUNG XUYÊN	44
1. Đặc điểm tình hình hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.	44
1.1. <i>Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.</i>	44
1.1.1. <i>Lịch sử hình thành công ty.</i>	44
1.1.2. <i>Hình thức, đặc điểm pháp lý.</i>	45
1.2. <i>Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.</i>	46
1.2.1. <i>Ngành nghề kinh doanh.</i>	46
1.2.2. <i>Quy trình hoạt động chủ yếu của công ty.</i>	47
1.3. <i>Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.</i>	48
1.4. <i>Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.</i>	49
1.5. <i>Bộ máy tổ chức kế toán.</i>	50
1.5.1. <i>Mô hình tổ chức bộ máy kế toán ở công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.</i>	50
1.5.2. <i>Hình thức tổ chức, hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty hiện nay.</i>	52
2. Công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên	54

2.1. Công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.	56
2.1.1. Công tác tổ chức hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.	56
2.1.2. Công tác tổ chức hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.	63
2.1.3. Công tác tổ chức hạch toán chi phí sử dụng máy thi công.	70
2.1.4. Công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất chung.	74
3. Tổng hợp chi phí sản xuất và xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.	81
3.1. Tổng hợp chi phí sản xuất.	81
3.2. Xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.	82
4. Tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.	82
4.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.	82
4.2. Kỳ tính giá thành.	82
4.3. Phương pháp tính giá thành.	83
PHẦN III	87
PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TRUNG XUYỀN.	87
1. Nhận xét chung về thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.	87
1.1. Những ưu điểm.....	87
1.2. Những hạn chế và một số phương hướng hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.	89
2. Một số biện pháp giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm xây lắp.	92
2.1. Tiết kiệm nguyên vật liệu.	92
2.2. Tăng năng suất lao động.	93
2.3. Tiết kiệm chi phí sử dụng máy thi công.	93
2.4. Tiết kiệm chi phí sản xuất chung.	93
KẾT LUẬN	95

LỜI NÓI ĐẦU

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất tạo ra cơ sở vật chất kĩ thuật cho nền kinh tế quốc dân. Sản phẩm của ngành xây dựng cơ bản là các công trình có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài nên có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế - vật chất. Bên cạnh đó, sản phẩm của ngành xây dựng còn thể hiện giá trị thẩm mỹ, phong cách kiến trúc nên cũng mang ý nghĩa quan trọng về mặt tinh thần, văn hoá xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sau hơn mười năm thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế nước ta đã có những bước chuyển khá vững chắc. Việc mở rộng thị trường, thực hiện chính sách đa phương hoá các quan hệ kinh tế đã tạo điều kiện tiền đề cho nền kinh tế phát triển. Hoà nhịp cùng với những chuyển biến chung đó của nền kinh tế, các doanh nghiệp xây dựng trên cương vị là một đơn vị kinh tế cơ sở, là tế bào của nền kinh tế quốc dân đã góp phần không nhỏ trong tiến trình phát triển của đất nước. Nhưng để có thể hội nhập với nền kinh tế thế giới, chúng ta phải có một cơ sở hạ tầng vững chắc là nền tảng cho các ngành khác phát triển. Do đó, với mục tiêu đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, vốn đầu tư cho hiện đại hoá cơ sở hạ tầng ngày càng chiếm tỉ trọng lớn trong vốn đầu tư của Nhà nước. Đó là thuận lợi lớn cho các công ty xây lắp. Tuy nhiên, trong cơ chế quản lý xây dựng cơ bản hiện nay, các công trình có giá trị lớn phải tiến hành đấu thầu. Vì vậy, để có thể đưa ra giá dự thầu hợp lý nhất, đem lại khả năng trúng thầu cao đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Cho nên, thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nhà quản trị không chỉ quan tâm đến tổng chi phí phát sinh mà quan trọng hơn là xem chi phí đó được hình thành như thế nào, ở đâu, từ đó đề ra biện pháp quản lý vốn, tránh lãng phí, thất thoát, tiết kiệm đến mức thấp nhất chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó, những thông tin này còn là cơ sở, là tiền đề để doanh nghiệp xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với Nhà nước, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp là cơ sở để Nhà nước kiểm soát vốn đầu tư và thu thuế. Do đó, trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế, việc hạ thấp giá thành sản phẩm của các

doanh nghiệp sẽ đem lại tiết kiệm cho xã hội, tăng tích lũy cho nền kinh tế. Vì vậy, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm không phải chỉ là vấn đề của các doanh nghiệp mà còn của toàn xã hội.

Đứng trên lĩnh vực kế toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Đảm bảo việc hạch toán giá thành chính xác, kịp thời phù hợp với đặc điểm hình thành và phát sinh chi phí là yêu cầu có tính xuyên suốt trong quá trình hạch toán tại doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, qua thời gian nghiên cứu, tìm hiểu lý luận và thực tế công tác tổ chức hạch toán tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên, được sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo ThS. Ngô Thị Thanh Huyền và các cô chú, anh chị phòng kế toán Công ty, em đã chọn đề tài: “***Hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất - tính giá thành sản phẩm và phương hướng nâng cao hiệu quả kinh doanh tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên***”. Mục đích của đề tài là vận dụng lý luận về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vào việc nghiên cứu thực tế công tác hạch toán tại công ty.

Nội dung của bài Tốt Nghiệp ngoài lời mở đầu, và kết luận bao gồm ba phần:

Phần I: Một số vấn đề lý luận về công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Phần II: Tình hình thực tế về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

Phần III: Phương hướng hoàn thiện hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

PHẦN I

MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

1. Khái quát chung về hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

1.1. Chi phí sản xuất và các cách phân loại chi phí.

1.1.1. Khái niệm, bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.

Sự phát sinh và phát triển của xã hội loài người gắn liền với quá trình sản xuất. Nền sản xuất xã hội của bất kỳ phương thức sản xuất nào cũng gắn liền với sự vận động và tiêu hao các yếu tố cơ bản tạo nên quá trình sản xuất. Nói cách khác, quá trình sản xuất là quá trình kết hợp của ba yếu tố: Tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Sự kết hợp của ba yếu tố này trong quá trình sản xuất sẽ tạo ra những sản phẩm, dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của con người. Việc tiêu hao một lượng nhất định các yếu tố trên để sản xuất ra sản phẩm, dịch vụ đó được gọi là chi phí.

Trong kinh doanh xây lắp, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá cần thiết mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành hoạt động xây dựng, lắp đặt các công trình trong một kỳ kinh doanh nhất định.

Đối với kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh luôn gắn liền với một kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và phải là chi phí thực. Vì vậy, cần có sự phân biệt giữa chi phí và chi tiêu. Chi phí của kỳ hạch toán là những hao phí về tài sản và lao động có liên quan đến khối lượng sản phẩm sản xuất ra trong kỳ chứ không phải mọi khoản chi ra trong kỳ hạch toán. Trong khi đó, chi tiêu là sự giảm đi đơn thuần các loại vật tư, tài sản, tiền vốn của doanh nghiệp, bất kể nó được dùng vào mục đích gì. Nhưng chi tiêu lại là cơ sở phát sinh của chi phí, không có chi tiêu thì không có chi phí. Trên thực tế có những chi phí tính vào kỳ hiện tại nhưng chưa được chi tiêu (như các khoản phải trả) hay những khoản chi tiêu của kỳ hiện tại nhưng chưa được tính vào chi phí (như mua tài sản cố định rồi khấu hao dần đưa vào chi phí). Như vậy, chi phí và chi tiêu không những khác nhau về mặt lượng mà

còn khác nhau về thời gian. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là do đặc điểm, tính chất vận động và phương thức chuyển dịch giá trị của từng loại tài sản vào quá trình sản xuất và yêu cầu kỹ thuật hạch toán chúng.

1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp bao gồm nhiều loại có nội dung, tính chất và công dụng kinh tế khác nhau, yêu cầu quản lý đối với từng loại chi phí cũng khác nhau. Do đó, muốn tập hợp và quản lý tốt chi phí tất yếu phải phân loại chi phí. Việc phân loại chi phí sản xuất một cách khoa học và hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản trị kiểm tra phân tích chi phí, thúc đẩy việc quản lý chặt chẽ chi phí để hướng tới tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Về mặt hạch toán, chi phí sản xuất thường được phân theo các tiêu thức sau đây:

1.1.2.1. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí (theo nội dung, tính chất của chi phí).

Để phục vụ cho việc tập hợp, quản lý chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu đồng nhất của nó mà không xét đến công dụng cụ thể, địa điểm phát sinh, chi phí được phân theo yếu tố. Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, toàn bộ chi phí được chia làm 5 yếu tố sau:

- *Chi phí nguyên vật liệu:* Bao gồm toàn bộ chi phí về các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ...
- *Chi phí nhân công:* Bao gồm toàn bộ tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương theo quy định phát sinh trong kỳ.
- *Chi phí khấu hao TSCĐ:* Là toàn bộ số tiền trích khấu hao TSCĐ sử dụng trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp trong kỳ.
- *Chi phí dịch vụ mua ngoài:* Bao gồm toàn bộ số tiền doanh nghiệp phải chi trả về các loại dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: tiền điện, nước, điện thoại...
- *Chi phí khác bằng tiền:* Là toàn bộ chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngoài các yếu tố nêu trên.

Cách phân loại này cho biết kết cấu, tỷ trọng của từng yếu tố chi phí sản xuất dùng để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, làm căn cứ lập bản thuyết minh báo cáo tài chính (phần chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố); cung cấp thông tin cho quản trị doanh nghiệp phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí, lập dự toán chi phí cho kỳ sau.

1.1.2.2. Phân theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm (theo mục đích, công dụng của chi phí).

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính giá thành toàn bộ, chi phí được phân theo khoản mục. Cách phân loại này dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng. Theo đó, toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp xây lắp được phân chia thành các khoản mục chi phí sau:

+ *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng vào mục đích trực tiếp sản xuất sản phẩm. Khoản mục này không bao gồm những chi phí nguyên vật liệu sử dụng vào sản xuất chung và các hoạt động ngoài sản xuất.

+ *Chi phí nhân công trực tiếp*: Bao gồm chi phí tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân trực tiếp sản xuất, không trích vào khoản mục này số tiền lương, các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất chung, nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng.

+ *Chi phí sản xuất chung*: Là những chi phí dùng cho hoạt động sản xuất chung ở các phân xưởng, tổ đội sản xuất ngoài hai khoản mục trực tiếp nêu trên.

Chi phí sản xuất chung bao gồm:

- *Chi phí nhân viên phân xưởng*: Gồm chi phí tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương như BHYT, BHXH, KPCĐ của quản đốc, nhân viên phân xưởng tại bộ phận sản xuất.
- *Chi phí vật liệu*: Gồm vật liệu các loại sử dụng cho nhu cầu sản xuất chung của phân xưởng sản xuất.

- *Chi phí khấu hao tài sản cố định*: Gồm số khấu hao của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính sử dụng ở phân xưởng sản xuất.
 - *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Gồm các khoản chi về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho nhu cầu sản xuất chung của bộ phận sản xuất.
 - *Chi phí khác bằng tiền*: Gồm các khoản chi bằng tiền ngoài các khoản kể trên sử dụng cho nhu cầu sản xuất chung của bộ phận sản xuất.
- + *Chi phí sử dụng máy thi công*: Bao gồm toàn bộ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy.
- *Chi phí nhiên liệu*: Gồm nhiên liệu các loại sử dụng cho nhu cầu sử dụng máy thi công, phương tiện vận chuyển.
 - *Chi phí khấu hao tài sản cố định*: Gồm số khấu hao của máy móc thi công của công ty cũng như máy móc thiết bị thuê ngoài.
 - *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Gồm các khoản chi về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho nhu cầu sản xuất của bộ phận vận hành máy thi công.
 - *Chi phí khác bằng tiền*: Gồm các khoản chi bằng tiền ngoài các khoản kể trên sử dụng cho nhu cầu sản của bộ phận vận hành máy thi công.

Cách phân loại này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau. Qua đó sẽ giúp những nhà quản lý có biện pháp sử dụng chi phí một cách hợp lý, tiết kiệm, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

1.1.2.3. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với quá trình sản xuất kinh doanh.

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia thành chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- *Chi phí trực tiếp*: là những chi phí liên quan trực tiếp đến việc sản xuất ra một loại sản phẩm hay một công việc nhất định. Những chi phí này kế toán có thể căn cứ vào số liệu từ chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

- *Chi phí gián tiếp*: là những chi phí có liên quan đến việc sản xuất ra nhiều loại sản phẩm, nhiều đối tượng chịu chi phí, nhiều công việc, lao vụ khác nhau nên phải tập hợp, quy nạp cho từng đối tượng theo phương pháp phân bổ gián tiếp.

Cách phân bổ này giúp ích rất nhiều trong kỹ thuật hạch toán. Trong quá trình tập hợp chi phí sản xuất nếu phát sinh chi phí gián tiếp kế toán phải lựa chọn tiêu thức phân bổ đúng đắn, hợp lý để có được những thông tin trung thực, chính xác về chi phí và lợi nhuận của từng loại sản phẩm, từng địa điểm phát sinh chi phí.

1.1.2.4. Phân loại chi phí theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành.

Để thuận tiện cho việc lập kế hoạch và kiểm tra chi phí, đồng thời làm căn cứ để đề ra các quyết định kinh doanh, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được phân theo quan hệ với khối lượng công việc hoàn thành. Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành chi phí cố định và chi phí biến đổi.

- *Chi phí cố định (chi phí bất biến)*: Là những chi phí không thay đổi theo sự thay đổi của quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

- *Chi phí khả biến (chi phí biến đổi)*: Là chi phí thay đổi trực tiếp thay đổi theo sự thay đổi của quy mô sản xuất.

Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp thấy được xu hướng biến đổi của từng loại chi phí theo quy mô kinh doanh, từ đó doanh nghiệp có thể xác định được sản lượng hòa vốn để từ đó có những quyết định đúng đắn trong ngắn hạn. Ngoài ra xác định đúng đắn chi phí bất biến và chi phí khả biến trong doanh nghiệp sẽ giúp nhà quản lý sử dụng chi phí hiệu quả hơn.

Ngoài các cách phân loại trên, để phục vụ cho việc phân tích đánh giá tình hình sử dụng chi phí, chi phí sản xuất còn được phân loại thành: Chi phí ban đầu và chi phí biến đổi, chi phí cơ bản và chi phí chung, chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp, chi phí tổng hợp và chi phí đơn nhất.

Mỗi cách phân loại chi phí đều có những tác dụng nhất định đối với công tác quản lý và hạch toán chi phí ở doanh nghiệp, đồng thời luôn hỗ trợ, bổ sung cho nhau giúp cho việc quản lý chung của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao nhất.

2. Giá thành sản phẩm xây lắp và các loại giá thành.

2.1 Khái niệm, bản chất và nội dung kinh tế của giá thành sản phẩm xây lắp.

Để xây dựng một công trình, hạng mục công trình hay hoàn thành một lao vụ thì doanh nghiệp phải đầu tư vào quá trình sản xuất thi công một lượng chi phí nhất định. Những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra đó sẽ tham gia cấu thành nên giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành.

Như vậy, *giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá phát sinh trong quá trình sản xuất có liên quan đến khối lượng xây lắp đã hoàn thành.* Giá thành sản phẩm xây lắp luôn chứa đựng hai mặt khác nhau vốn có là chi phí sản xuất và lượng giá trị sử dụng thu được cấu thành bên trong khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Như vậy, bản chất của giá thành sản phẩm là sự chuyển dịch giá trị của những yếu tố chi phí vào sản phẩm xây lắp hoàn thành. Vì thế, giá thành có hai chức năng chủ yếu là bù đắp chi phí và chức năng lập giá.

Giá thành là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như hệ thống các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện nhằm đạt được mục đích sản xuất ra khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí thấp nhất. Giá thành là căn cứ để xác định hiệu quả kinh tế của các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong giá thành sản phẩm chỉ bao gồm những chi phí tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình sản xuất, tiêu thụ phải được bồi hoàn để tái sản xuất ở doanh nghiệp mà không bao gồm những chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Mọi cách tính toán chủ quan, không phản ánh đúng các yếu tố giá trị trong giá thành đều có thể dẫn đến việc phá vỡ các quan hệ hàng hoá- tiền tệ, không xác định được hiệu quả kinh doanh và không thực hiện tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng.

2.2. Phân loại giá thành.

Để quản lý tốt giá thành cho từng loại sản phẩm thì cần thiết phải phân loại giá thành. Dựa vào các tiêu thức khác nhau mà ta có các cách phân loại khác nhau.

2.2.1. Phân loại giá thành theo thời điểm và cơ sở dữ liệu tính giá thành.

Giá thành sản phẩm được chia thành 3 loại:

- *Giá thành dự toán*: Là tổng số các chi phí dự toán để hoàn thành một khối lượng xây lắp. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở các định mức theo thiết kế được duyệt và khung giá quy định đơn giá xây dựng cơ bản áp dụng vào từng vùng lãnh thổ, từng địa phương do cấp có thẩm quyền ban hành.

$$\text{Giá thành dự toán} = \text{Giá trị dự toán} - \text{Lãi định mức}$$

Trong đó, giá trị dự toán là chỉ tiêu dùng làm căn cứ cho các doanh nghiệp xây lắp xây dựng kế hoạch sản xuất của đơn vị, đồng thời làm căn cứ cho các cơ quan quản lý nhà nước giám sát hoạt động xây lắp. Lãi định mức là chỉ tiêu Nhà nước quy định ngành xây dựng cơ bản phải tạo ra để tích lũy cho xã hội.

- *Giá thành kế hoạch*: Là chỉ tiêu được xác định trên cơ sở giá thành dự toán gắn liền với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp.

$$\text{Giá thành kế hoạch} = \text{Giá thành dự toán} - \text{Mức hạ giá thành dự toán}$$

Giá thành kế hoạch của sản phẩm xây lắp là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và kế hoạch hạ thấp giá thành của doanh nghiệp.

- *Giá thành thực tế*: Là chỉ tiêu giá thành được xác định theo số liệu hao phí thực tế liên quan đến khối lượng xây lắp hoàn thành bao gồm chi phí định mức, vượt định mức và các chi phí khác. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức và sử dụng các giải pháp kinh tế - tổ chức - kỹ thuật để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2.2. Phân loại giá thành theo phạm vi phát sinh chi phí.

Theo cách phân loại này giá thành sản phẩm được chia thành 2 loại:

- *Giá thành công tác xây lắp thực tế*: Phản ánh giá thành của một khối lượng công tác xây lắp đã hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

- *Giá thành công trình, hạng mục công trình hoàn thành*: Là toàn bộ chi phí chi ra để tiến hành thi công công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao cho bên chủ đầu tư.

➤ **Tóm lại**: Việc phân loại CPSX và giá thành sản phẩm là cơ sở để tiến hành các biện pháp quản lý chi phí có hiệu quả, vạch rõ nhân tố cụ thể tăng giảm giá thành, là cơ sở đầu tiên cho hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm.

3. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành.

3.1. Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà các chi phí sản xuất phát sinh được tổ chức tập hợp và phân bổ theo đó. Giới hạn tập hợp chi phí sản xuất có thể là nơi gây ra chi phí hoặc nơi chịu phí. Để xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí cần căn cứ vào loại hình sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Trong sản xuất xây lắp, với tính chất phức tạp của quy trình công nghệ, loại hình sản xuất đơn chiếc, sản phẩm xây lắp có giá trị kinh tế lớn, thường được phân chia thành nhiều khu vực, bộ phận thi công. Mỗi công trình, hạng mục công trình đều có dự toán, thiết kế riêng, cấu tạo vật chất khác nhau nên tùy thuộc vào công việc cụ thể, trình độ quản lý của mỗi doanh nghiệp xây lắp mà đối tượng hạch toán chi phí có thể là từng công trình, hạng mục công trình hay từng đơn đặt hàng.

Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên, cần thiết của công tác hạch toán chi phí sản xuất. Chỉ có xác định đúng đắn đối tượng hạch toán chi phí sản xuất mới có thể tổ chức tốt công tác hạch toán chi phí. Trên cơ sở đối tượng hạch toán chi phí, kế toán lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí thích ứng. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí. Trong doanh nghiệp xây lắp có phương pháp hạch toán chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình, phương pháp hạch toán chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng.

3.2. Đối tượng tính giá thành.

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, lao vụ do doanh nghiệp sản xuất đã hoàn thành cần phải được tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Xác định đối tượng tính giá thành là xác định đối tượng mà hao phí vật chất được doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí cần được bù đắp cũng như tính toán được kết quả kinh doanh.

Trong các doanh nghiệp sản xuất tùy thuộc vào đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp mà đối tượng tính giá thành có thể là:

- + Từng sản phẩm, từng công việc, từng đơn đặt hàng đã hoàn thành
- + Từng chi tiết, bộ phận sản xuất, từng đội thi công.
- + Từng công trình, hạng mục công trình.

Thông thường trong thực tế người ta hay chọn đối tượng tính giá thành phù hợp với quá trình công nghệ sản xuất của doanh nghiệp như:

- Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn: Đối tượng tính giá thành là loại sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ.
- Đối với quy trình phức tạp theo kiểu liên tục: Đối tượng tính giá thành có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn chế tạo hay thành phẩm chế tạo ở giai đoạn cuối cùng.
- Đối với sản phẩm công nghệ phức tạp kiểu song song: Đối tượng tính giá thành là chi tiết, bộ phận sản phẩm hoàn thành và thành phẩm cuối cùng đã hoàn thành.
- Xác định đối tượng tính giá thành đúng đắn, phù hợp với điều kiện đặc điểm của doanh nghiệp (đặc điểm tổ chức sản xuất, loại hình tổ chức sản xuất, yêu cầu trình độ quản lý) sẽ giúp cho kế toán mở sổ kế toán, lập các bảng tính theo hoạt động cần quản lý, kiểm tra và đáp ứng như cầu quản lý nội bộ doanh nghiệp, lựa chọn phương pháp tính giá thành phù hợp.

4. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, ý nghĩa của việc tính đúng, đủ giá thành.

4.1. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm xây lắp. Chúng là hai mặt khác nhau của quá trình sản xuất. Chi phí sản xuất phản ánh mặt hao phí của quá trình sản

xuất còn giá thành sản phẩm phản ánh mặt kết quả sản xuất. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đều bao gồm các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình sản xuất. Khi giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau thì tổng giá thành sản phẩm bằng tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ. Tuy nhiên, nếu bộ phận chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ không bằng nhau thì chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm khác nhau về lượng. Điều đó được thể hiện qua sơ đồ sau:

A	CPSX dở dang đầu kỳ	B	CPSX phát sinh trong kỳ	D
C	Tổng giá thành sản phẩm			CPSX dở dang cuối kỳ

Qua sơ đồ ta thấy: $AC = AB + BD - CD$, hay:

$$\text{Tổng giá thành sản phẩm} = \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ}$$

Như vậy, chi phí sản xuất luôn gắn với từng thời kỳ phát sinh chi phí còn giá thành lại đồng thời liên quan tới cả chi phí phát sinh trong kỳ và chi phí kỳ trước (chi phí dở dang đầu kỳ) chuyển sang. Giá thành sản phẩm gắn với khối lượng sản phẩm, công việc, lao vụ đã sản xuất hoàn thành trong kỳ mà không tính đến chi phí đó phát sinh ở kỳ nào. Còn chi phí sản xuất bao gồm toàn bộ chi phí bỏ ra trong một kỳ sản xuất kinh doanh mà không tính đến chi phí đó liên quan đến khối lượng sản phẩm đã hoàn thành hay chưa.

4.2. Ý nghĩa của việc tính đúng, tính đủ giá thành.

Đối với doanh nghiệp sản xuất nói chung, doanh nghiệp xây lắp nói riêng, chỉ tiêu chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng mà bất kì nhà quản lý nào cũng phải quan tâm bởi đó là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh và hơn nữa, nó còn quyết định đến kết quả sản xuất và ảnh hưởng tới thu nhập của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp. Do đó cần phải hạch toán chính xác, đầy đủ và kịp thời chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm để cung cấp thông tin cho các nhà quản lý giúp họ nắm được tình hình sử dụng vật tư, tài sản, lao động...đánh giá được thực

trạng kinh doanh thực tế của doanh nghiệp từ đó có những quyết định quản lý đúng đắn, tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Hạch toán chính xác chi phí sản xuất không chỉ là việc tổ chức, ghi chép, phản ánh theo đúng giá trị thực tế của chi phí mà còn phải theo đúng địa điểm phát sinh và đối tượng chịu phí. Tính đúng giá thành là tính toán chính xác và hạch toán đúng nội dung kinh tế của chi phí đã hao phí để sản xuất ra sản phẩm. Vì vậy, phải xác định đúng đối tượng tính giá thành, vận dụng đúng phương pháp tính giá thành và giá thành phải được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất kế toán đã tập hợp một cách chính xác. Tính đủ giá thành là tính toán đầy đủ mọi chi phí đã bỏ ra cho sản xuất sản phẩm nhưng cũng phải loại bỏ những chi phí không liên quan, không cần thiết.

Việc tổ chức công tác quản lý và hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc điểm kinh doanh và tình hình thực tế của doanh nghiệp sẽ cho ta những thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp cũng như định hướng cho hoạt động kinh doanh.

Tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm sẽ đảm bảo cho doanh nghiệp tránh được lãi giả, lỗ thật và ngược lại.

5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

5.1. Đặc điểm kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng mang tính chất công nghiệp nhằm tái sản xuất tài sản cố định cho tất cả các ngành trong nền kinh tế quốc dân, tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho xã hội, tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng và góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Do đó, quản lý tốt và hạch toán đúng đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, ngành xây dựng cơ bản cũng có những nét đặc thù riêng chi phối công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Những nét đặc thù đó là:

Sản phẩm xây lắp là các công trình, vật kiến trúc...thuộc kết cấu hạ tầng của nền kinh tế quốc dân có quy mô và giá trị lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài...Do vậy, việc tổ chức quản lý và hạch toán nhất thiết phải có các dự toán

thiết kế, thi công được lập theo từng công trình, hạng mục công trình. Trong quá trình thi công xây lắp phải thường xuyên so sánh kiểm tra việc thực hiện dự toán chi phí, tìm ra nguyên nhân vượt, hụt dự toán và đánh giá hiệu quả kinh doanh trên cơ sở lấy dự toán làm thước đo.

Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất (xe máy, thiết bị thi công, người lao động...) phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Mặt khác, hoạt động xây dựng cơ bản thường tiến hành ngoài trời nên chịu ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên, thời tiết. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản, vật tư rất phức tạp, dễ bị mất mát, hư hỏng làm tăng chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, chu kì sản xuất của đơn vị xây lắp thường rất dài, chi phí phát sinh thường xuyên trong khi doanh thu chỉ phát sinh ở từng thời điểm nhất định. Do đó, kỳ tính giá thành ở các đơn vị xây lắp thường được xác định theo kỳ sản xuất.

Tổ chức sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp ở nước ta hiện nay phổ biến theo phương thức khoán gọn các công trình, hạng mục công trình, khối lượng hoặc công việc cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp (đội, xí nghiệp...). Trong giá khoán gọn, không chỉ có tiền lương mà còn có đủ các chi phí về vật liệu, công cụ, dụng cụ thi công, chi phí chung của bộ phận nhận khoán.

Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thoả thuận với chủ đầu tư từ trước (giá đấu thầu) nên tính chất hàng hoá của sản phẩm thể hiện không rõ hay nói cách khác, tác động của yếu tố thị trường bị hạn chế.

Giá thành công trình xây lắp không bao gồm giá trị bản thân thiết bị do chủ đầu tư đưa vào để lắp đặt mà chỉ bao gồm những chi phí do doanh nghiệp xây lắp bỏ ra có liên quan đến xây lắp công trình. Giá thành công tác xây dựng và lắp đặt kết cấu bao gồm giá trị vật kết cấu và giá trị thiết bị kèm theo như các thiết bị vệ sinh, thông gió, thiết bị sưởi ấm, điều hoà nhiệt độ, thiết bị truyền dẫn...

Những đặc điểm trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức công tác hạch toán kế toán trên cơ sở tuân thủ chế độ kế toán nhưng cũng phải phù hợp với đặc điểm đặc thù của hoạt động kinh doanh xây lắp để đảm bảo chất lượng công tác kế toán, cung cấp kịp thời những thông tin cho quản lý.

5.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

5.2.1. Các bước hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại với tính chất và nội dung khác nhau. Việc tập hợp chi phí phải được tiến hành theo một trình tự hợp lý, khoa học thì mới có thể tính giá thành một cách chính xác, kịp thời. Trình tự này phụ thuộc vào tính chất, đặc điểm sản xuất của từng ngành, nghề, từng doanh nghiệp, trình độ quản lý và hạch toán... Đối với doanh nghiệp xây lắp, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thường qua các bước sau:

Bước 1: Tập hợp các chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí (công trình, hạng mục công trình...).

Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ có liên quan trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và đơn giá của lao vụ đó.

Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình, hạng mục công trình có liên quan theo tiêu thức phù hợp.

Bước 4: Kiểm kê, xác định sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Bước 5: Tính giá thành sản phẩm theo đối tượng tính giá thành (công trình, hạng mục công trình).

5.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kê khai định kỳ là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị thực tế của vật tư hàng hóa tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng xuất} & & & & & & \\ \text{kho trong kỳ} & = & \text{Trị giá hàng} & + & \text{Tổng giá trị hàng} & - & \text{Trị giá hàng tồn} \\ & & \text{tồn kho đầu kỳ} & & \text{nhập kho trong kỳ} & & \text{kho cuối kỳ} \end{array}$$

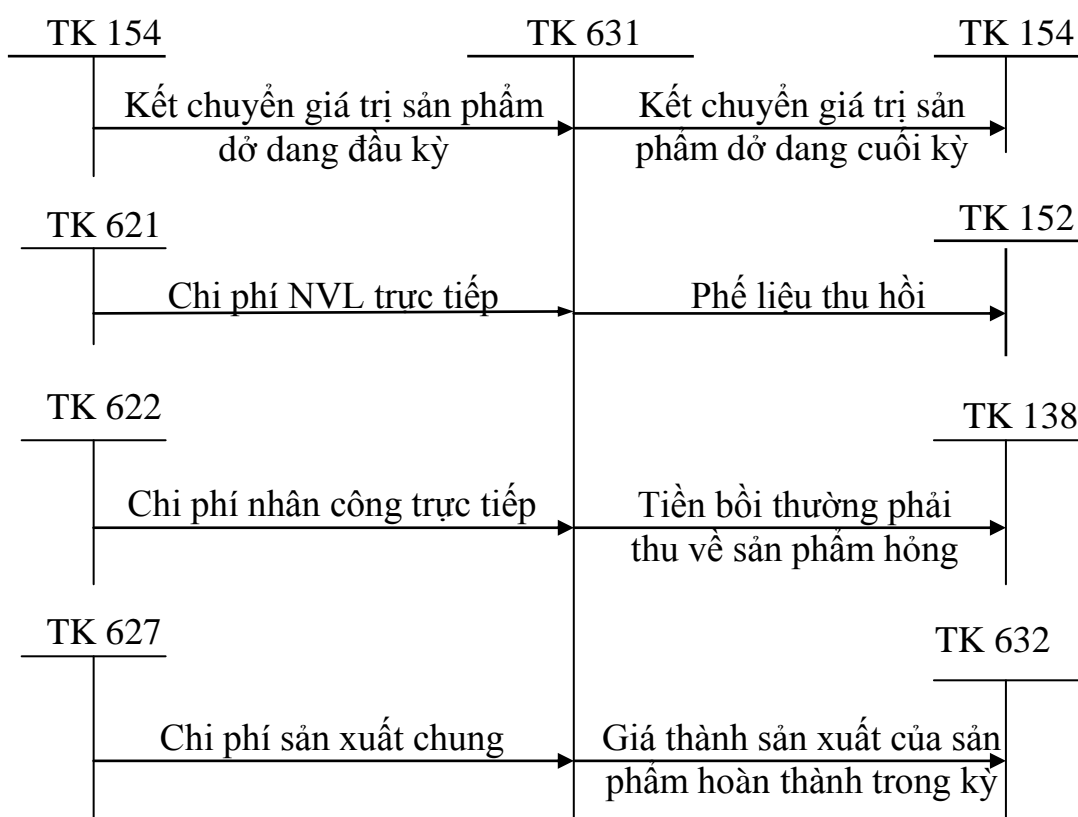
Phương pháp kê khai định kỳ thường áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hóa, vật tư với quy cách, mẫu mã khác nhau, giá trị thấp, hàng hóa vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên (cửa hàng, bán lẻ..).

Cũng tương tự phương pháp kê khai thường xuyên, chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các TK 621, TK 622, TK 627.

Do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, TK 154 chỉ sử dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên TK 631 – Giá thành sản xuất. Tài khoản 631 cũng được hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh chi phí (phân xưởng, tổ, đội sản xuất) và theo loại, nhóm sản phẩm.

Trình tự hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ như sơ đồ sau:

Sơ đồ tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



5.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa đều được phản ánh trên tài khoản kế toán hàng tồn kho. Phương pháp này có ưu điểm là giám sát chặt chẽ tình hình tăng, giảm tài sản, giá trị của chúng trên sổ kế toán tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Song do khối lượng công việc hạch toán nhiều và phức tạp nên phương pháp kê khai thường xuyên thường được áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn (máy móc, thiết bị, hàng kỹ thuật cao...)

*** Phương pháp kế toán:**

Theo chế độ kế toán hiện hành, các doanh nghiệp tiến hành kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, toàn bộ chi phí được tập hợp vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm. Tài khoản này được hạch toán chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất hoặc đối tượng tính giá thành.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp, TK 627 – Chi phí sản xuất chung để tập hợp chi phí theo từng khoản mục trước khi kết chuyển sang TK 154. Các tài khoản này không có số dư cuối kỳ và phải mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tùy thuộc vào yêu cầu quản lý chi phí của doanh nghiệp.

5.2.3.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành nên thực thể sản phẩm xây lắp (không kể vật liệu phục vụ cho máy móc thi công, phương tiện thi công và những vật liệu tính trong chi phí sản xuất chung). Giá trị vật liệu được hạch toán vào khoản mục này ngoài giá trị thực tế còn có cả chi phí thu mua, vận chuyển từ nơi mua về nơi nhập kho hoặc xuất thẳng đến chân công trình.

Nguyên vật liệu sử dụng cho xây dựng hạng mục công trình nào phải được tính trực tiếp cho hạng mục công trình đó trên cơ sở chứng từ gốc theo số lượng

thực tế đã sử dụng và theo giá xuất kho thực tế. Trường hợp nguyên vật liệu xuất dùng có liên quan đến nhiều công trình, không thể tổ chức hạch toán riêng được thì kế toán phải phân bổ chi phí cho các công trình theo tiêu thức thích hợp như theo định mức tiêu hao, theo khối lượng thực hiện...

- *Chứng từ kế toán sử dụng:* Phiếu nhập kho, thẻ kho, hóa đơn GTGT, bảng tổng hợp nhập xuất tồn, bảng phân bổ NVL.....
- *Phương pháp kế toán:* Để phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 621- chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng công trình xây dựng, lắp đặt (công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn công việc, khối lượng công việc, khối lượng xây lắp có dự toán riêng).

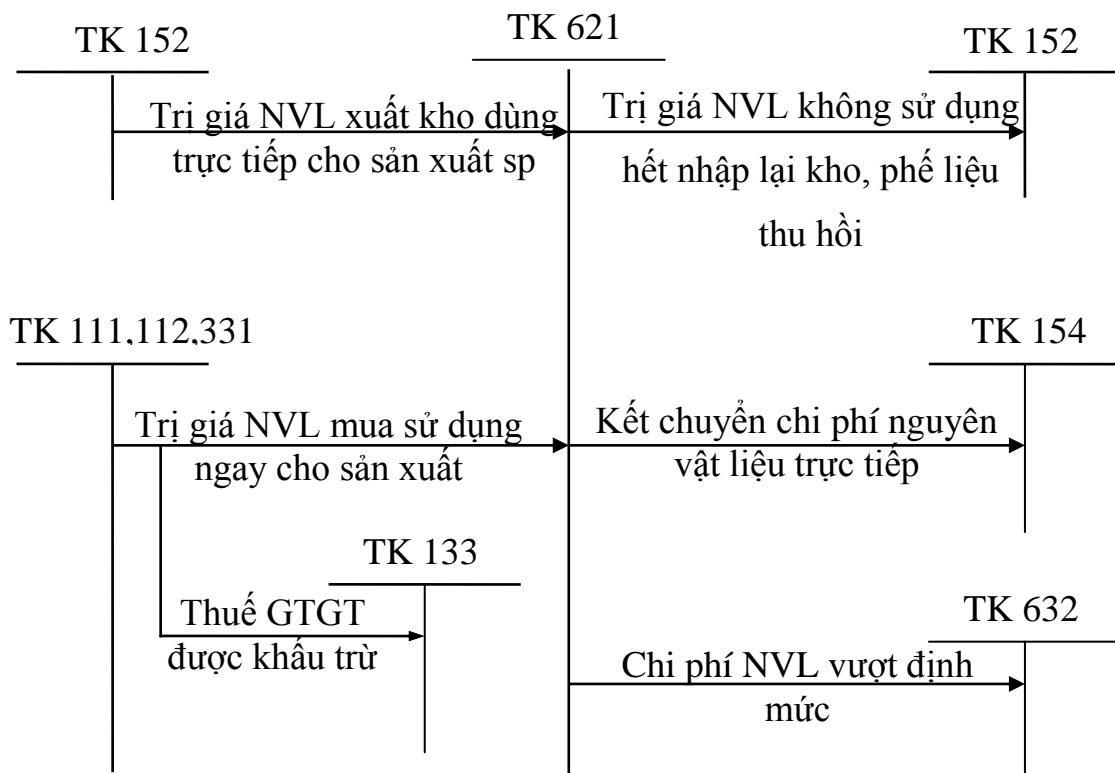
+ Toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đã tập hợp được ghi sổ theo định khoản:

- Nợ TK 621 (chi tiết theo từng đối tượng)
- Có TK 152, 153 (chi tiết liên quan)
- Có TK 111,112,331....

+ Cuối kỳ kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào các đối tượng liên quan:

- Nợ TK 154 (chi tiết liên quan)
- Có TK 621 (chi tiết liên quan)

Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



5.2.3.2. *Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.*

- *Nội dung chi phí nhân công trực tiếp.*

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản thù lao lao động phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp các công trình, công nhân phục vụ thi công (kể cả công nhân vận chuyển bốc dỡ vật tư trong phạm vi mặt bằng xây lắp và công nhân chuẩn bị thi công và thu dọn hiện trường). Chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm các khoản trích KPCĐ, BHXH, BHYT tính theo tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp và tiền ăn ca của công nhân xây lắp mà chúng được hạch toán vào chi phí sản xuất chung.

- *Chứng từ kế toán sử dụng.*

Bảng chấm công, bảng phân bổ tiền lương...

- *Phương pháp kế toán.*

Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622- chi phí nhân công trực tiếp. Khi hạch toán, tài khoản này được mở chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình, giai đoạn công việc

Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được tiến hành như sau:

+ Toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp vào bên Nợ TK 622. Căn cứ vào bảng tính lương, tính BHXH, BHYT, KPCĐ kế toán ghi:

Nợ TK 622 (chi tiết lương)

Có TK 334, 338

Có TK 335: Tiền lương trích trước cho công nhân sản xuất

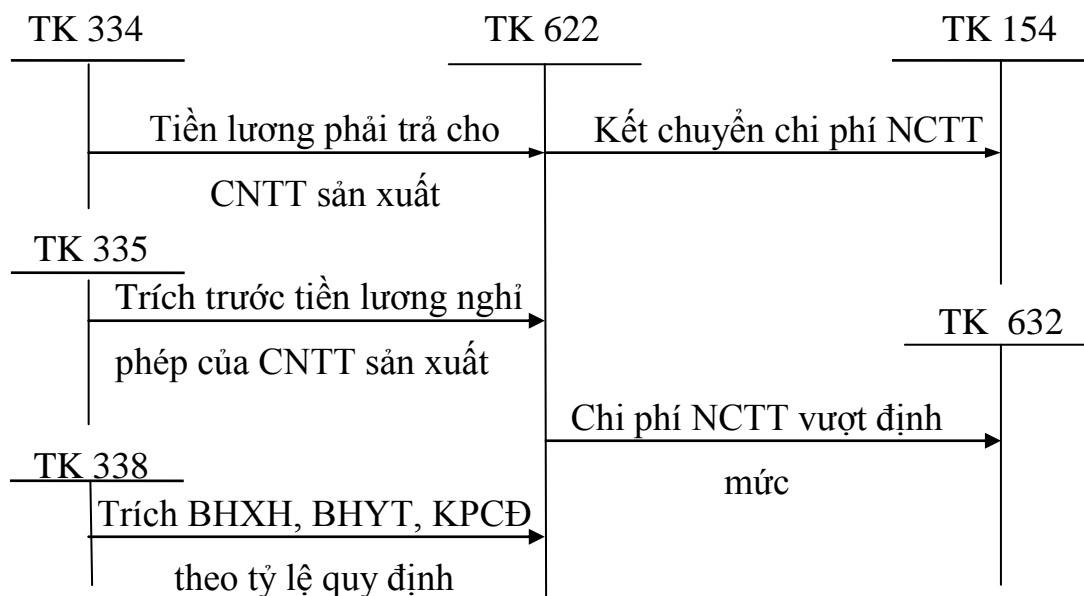
+ Cuối kỳ tiến hành kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào các đối tượng lương:

Nợ TK 154 (chi tiết liên quan)

Có TK 622 (chi tiết liên quan)

Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp được phản ánh trên sơ đồ sau:

Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



5.2.3.3. Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công.

Do đặc điểm của hoạt động xây lắp và của sản phẩm xây lắp, một máy thi công có thể sử dụng cho nhiều công trình trong kỳ hạch toán. Vì vậy, cần phân bổ chi phí máy thi công cho từng công trình. Theo chế độ quy định hiện nay, có ba tiêu thức phân bổ là: theo khối lượng công việc hoàn thành của ca máy, theo ca máy làm việc, theo dự toán chi phí sử dụng máy thi công. Công thức phân bổ như sau:

$$\begin{aligned}
 &\text{Chi phí sử dụng máy thi công phân bổ cho từng đối tượng.} = \frac{\text{Tổng chi phí máy thi công cần phân bổ.}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng.}} \times \text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng.}
 \end{aligned}$$

Đối với trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công, vừa bằng máy, để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động

xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 623 - *chi phí sử dụng máy thi công*. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình hoàn toàn bằng máy thì không sử dụng tài khoản 623 mà kế toán hạch toán trực tiếp vào các tài khoản 621, 622, 627. Mặt khác, các khoản trích KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN tính theo tiền lương phải trả công nhân sử dụng máy thi công và tiền ăn ca không hạch toán vào TK 623 mà phản ánh vào TK 627- chi phí sản xuất chung. Tài khoản 623 có kết cấu như sau:

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công thực tế phát sinh.

Bên Có: Kết chuyển (hoặc phân bổ) chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, hạng mục công trình.

Tài khoản 623 không có số dư cuối kỳ và chi tiết làm 6 tiểu khoản:

TK 6231 - Chi phí nhân công.

TK 6231 - Chi phí vật liệu.

TK 6233 - Chi phí dụng cụ sản xuất.

TK 6234 - Chi phí khấu hao máy thi công.

TK 6237- Chi phí dịch vụ mua ngoài.

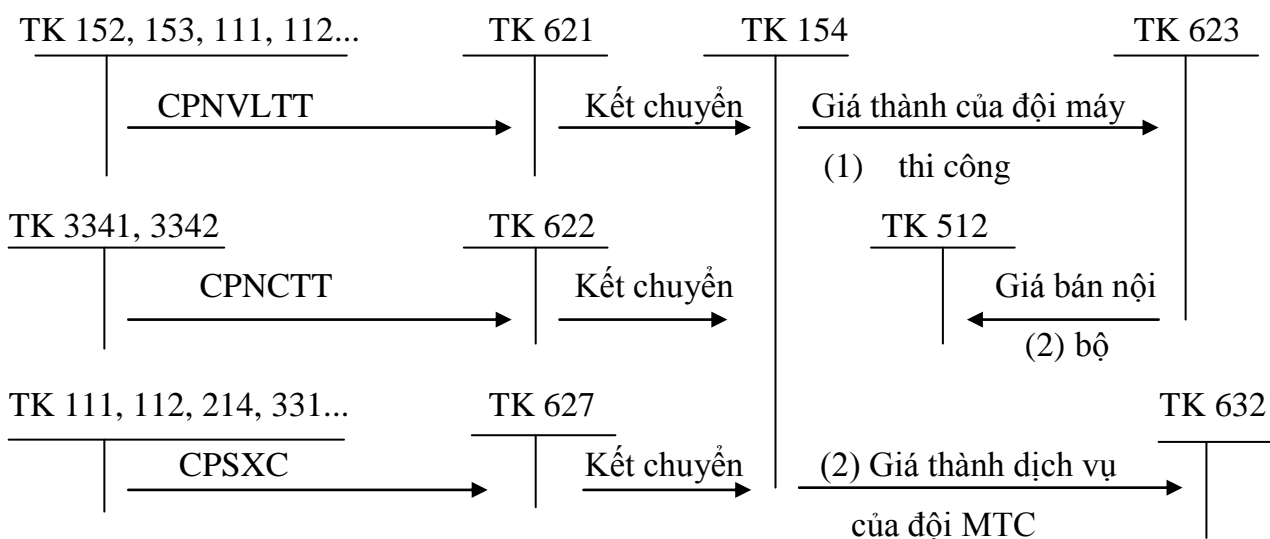
TK 6238 - Chi phí bằng tiền khác.

Việc hạch toán cụ thể chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công của mỗi doanh nghiệp.

✓ ***Trường hợp Công ty có tổ chức đội máy thi công riêng.***

Trong trường hợp này, hạch toán chi phí sử dụng máy thi công được tiến hành như sau: toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến đội máy thi công được tập hợp riêng trên các TK 621, 622, 627 (chi tiết đội máy thi công). Cuối kỳ, tổng hợp chi phí vào tài khoản 154 (1543 chi tiết đội máy thi công) để tính giá thành ca máy (hoặc giờ máy). Căn cứ vào giá thành của một ca máy (hoặc giờ máy) và số ca máy (hoặc giờ máy) mà đội máy thi công phục vụ cho từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình...) để phân bổ chi phí của đội máy thi công cho từng đối tượng.

Quy trình hạch toán được khái quát qua sơ đồ sau:



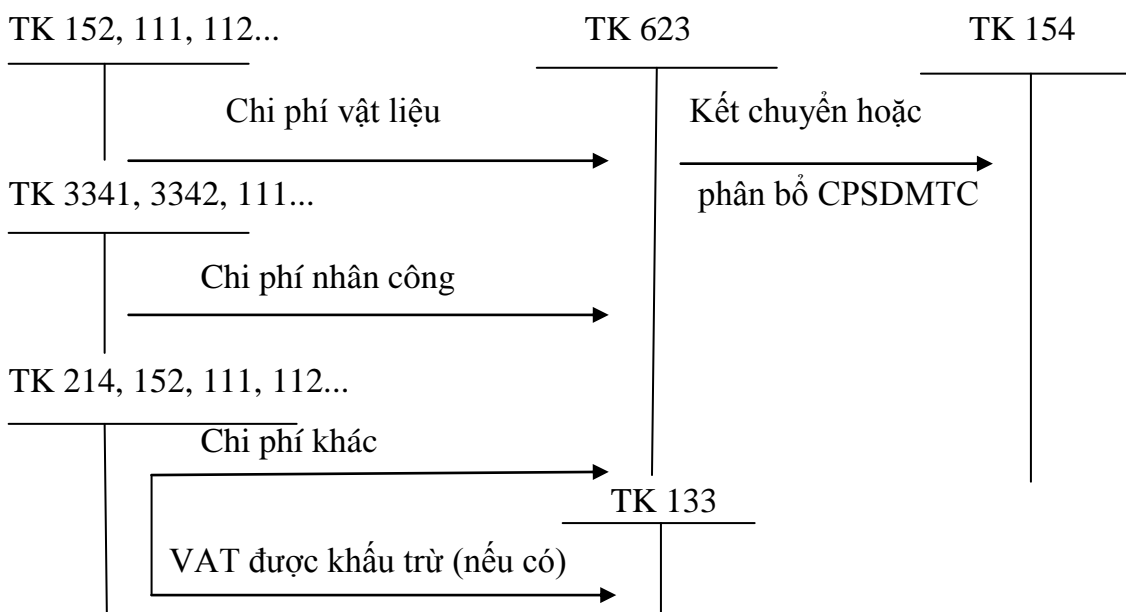
(1) Các bộ phận trong doanh nghiệp không tính kết quả riêng mà thực hiện phương thức cung cấp lao vụ máy lẫn nhau.

(2) Các bộ phận trong doanh nghiệp xác định kết quả riêng (doanh nghiệp thực hiện phương thức bán lao vụ máy lẫn nhau).

✓ **Trường hợp từng đội xây lắp có máy thi công riêng.**

Các chi phí liên quan đến máy thi công được tập hợp riêng trên tài khoản 623 – chi phí sử dụng máy thi công, cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ theo từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình...).

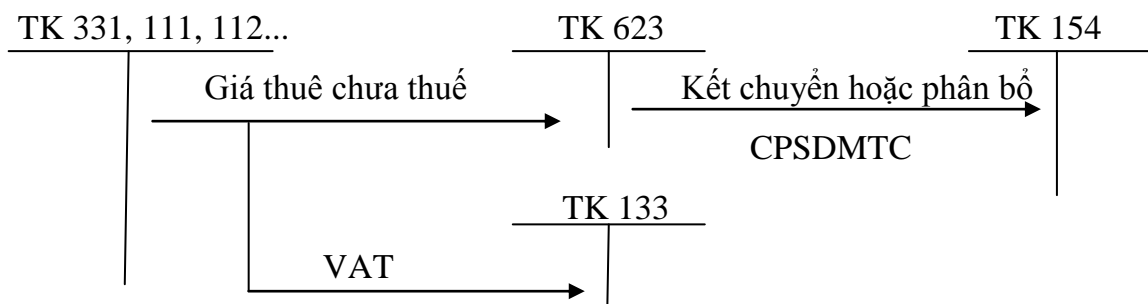
Sơ đồ hạch toán chi phí sử dụng máy thi công



✓ **Trường hợp máy thi công thuê ngoài.**

Toàn bộ chi phí thuê máy thi công tập hợp vào tài khoản 623. Cuối kỳ, kết chuyển vào tài khoản 154 theo từng đối tượng.

Sơ đồ hạch toán chi phí sử dụng máy thi công.



5.2.3.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung phản ánh những chi phí phục vụ xây lắp tại các đội và các bộ phận sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm: lương nhân viên quản lý đội, tiền ăn giữa ca, trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỉ lệ quy định trên tổng số lương công nhân viên chức của đội, khấu hao tài sản cố định dùng chung cho hoạt động của đội, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền.

Nếu các khoản chi phí chỉ liên quan đến một công trình, hạng mục công trình sẽ được tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình đó. Còn các khoản chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng thì sẽ được phân bổ cho các đối tượng theo tiêu thức thích hợp như: tiền lương công nhân xây lắp hoặc chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

* *Chứng từ kế toán sử dụng:* Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, các chứng từ gốc liên quan đến chi phí mua ngoài sử dụng cho sản xuất chung.

* *Phương pháp kế toán:* Kế toán sử dụng TK 627 – Chi phí sản xuất chung để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng.

+ Chi phí sản xuất chung phát sinh thực tế được tập hợp:

Nợ TK 627: (chi tiết theo từng đội)

Có TK 334,338: (chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương của NVQL đội)

Có TK 152, 153: Chi phí NVL, chi phí dịch vụ phục vụ cho sản xuất

Có TK 214: Chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng ở đội thi công)

Có TK 142: Chi phí trả trước

Có TK 335: Trích trước chi phí phải trả

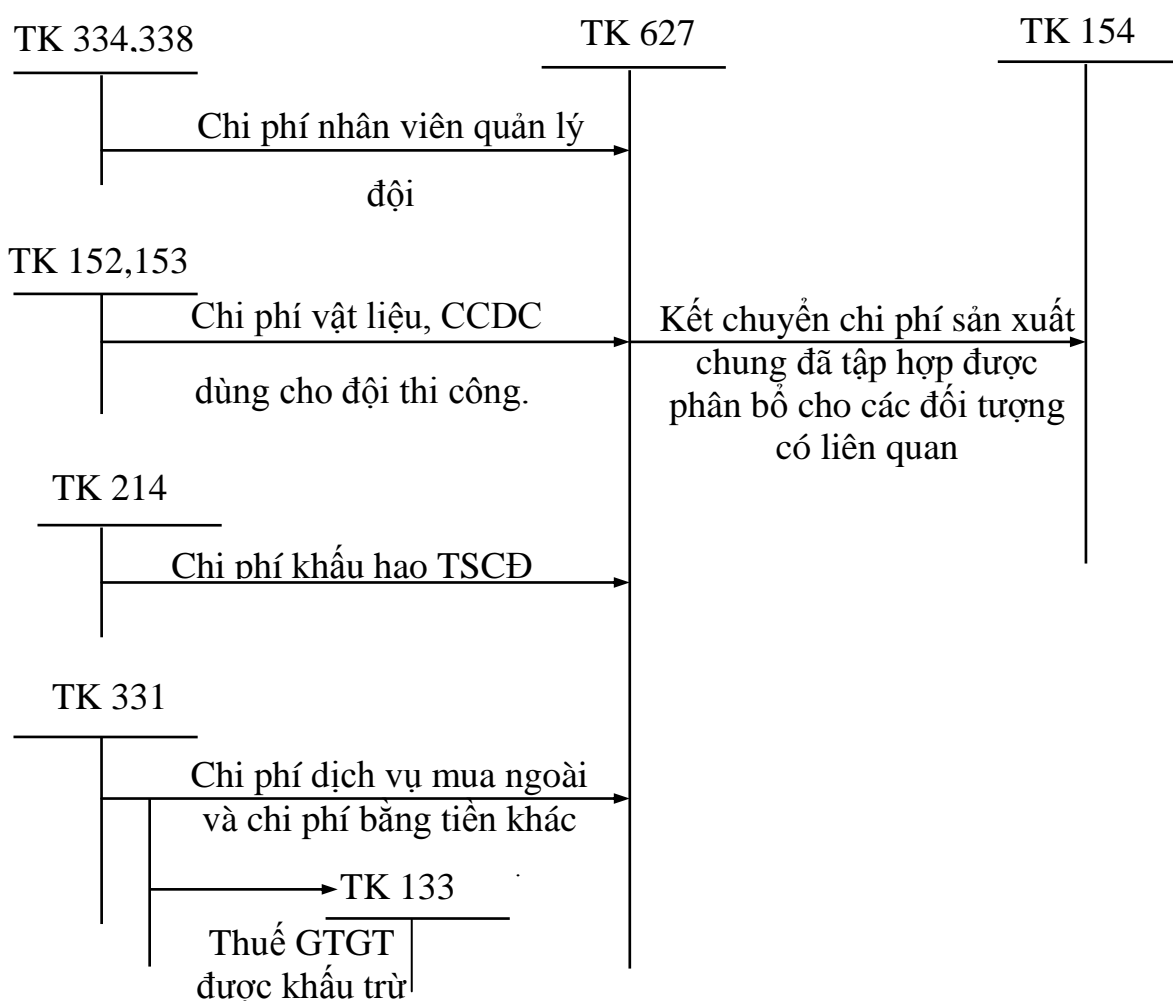
Có TK 111,112,331: Chi phí dịch vụ mua ngoài

Cuối kỳ chi phí sản xuất chung đã tập hợp được kết chuyển để tính giá thành sản phẩm. Chi phí sản xuất chung của đơn vị nào kết chuyển và tính giá thành sản phẩm, công việc đó.

Nợ TK 154: (chi tiết liên quan)

Có TK 627:

Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung



bộ thì giá trị sản phẩm dở dang là tổng chi phí phát sinh từ lúc khởi công đến cuối tháng đó. Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý thì giá trị sản phẩm dở dang là giá trị khối lượng xây lắp chưa đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được tính giá theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn dở dang theo giá trị dự toán của chúng hoặc theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương. Công thức phân bổ như sau:

*** Theo giá trị dự toán :**

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{Giá trị dự toán của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{Giá trị dự toán của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị dự} \\ \text{toán của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

*** Theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương:**

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thực tế} \\ \text{của khối} \\ \text{lượng xây} \\ \text{lắp dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{Chi phí dự toán của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{hoàn thành bàn giao} \\ \text{trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của khối} \\ \text{lượng xây lắp thực hiện} \\ \text{trong kỳ} \\ \text{Chi phí dự toán của khối} \\ \text{lượng xây lắp dở dang cuối} \\ \text{kỳ đã tính chuyển theo SP} \\ \text{hoàn thành tương đương} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Chi phí của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{đã tính chuyển} \\ \text{theo SP hoàn} \\ \text{thành tương} \\ \text{đương.} \end{array}}$$

5.4. Các phương pháp tính giá thành chủ yếu.

5.4.1. Kỳ tính giá thành.

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành.

Kỳ tính giá thành là quý, năm hoặc dài hơn tùy thuộc vào chu kỳ sản xuất.

5.4.2. Các phương pháp tính giá thành.

5.4.2.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp trực tiếp).

Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm được tính bằng cách căn cứ trực tiếp vào chi phí sản xuất đã tập hợp được theo từng đối tượng tập hợp chi phí trong kỳ và giá trị sản phẩm làm dở đầu kỳ để tính ra giá thành sản phẩm theo công thức:

$$\text{Tổng } Z_{sp} = C_{dk} + C - C_{ck}$$

- *Ưu điểm*: Đơn giản, dễ tính, có thể cung cấp các chỉ tiêu giá thành một cách kịp thời trong công tác quản lý.
- *Nhược điểm*: Độ chính xác không cao
- *Điều kiện áp dụng*: Phương pháp này phù hợp cho các doanh nghiệp sản xuất có quy trình công nghệ giản đơn, khép kín từ khi đưa nguyên vật liệu vào cho tới khi hoàn thành sản xuất, mặt hàng ít, khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn.

5.4.2.2. Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng.

Các doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng cụ thể, đối tượng tính giá thành sản phẩm là sản phẩm của từng đơn đặt hàng. Đặc điểm của việc hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp này là toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh đều được tập hợp theo từng đơn đặt hàng. Đối với các chi phí trực tiếp (nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp...) phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến đơn đặt hàng nào thì được hạch toán trực tiếp cho đơn đặt hàng đó theo các chứng từ gốc (hay bảng phân bổ chi phí). Đối với chi phí sản xuất chung, sau khi tập hợp xong sẽ phân bổ cho từng đơn theo tiêu thức phù hợp

Việc tính giá thành chỉ tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành thường không đồng nhất với kỳ báo cáo. Đối với những đơn đặt hàng đến kỳ báo cáo chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí đã tập hợp theo đơn đó đều coi là sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển kỳ sau. Đối với những đơn đặt hàng đã hoàn thành thì tổng chi phí đã tập hợp được theo đơn đó chính là tổng giá thành sản phẩm theo đơn.

5.4.2.3. Phương pháp tổng cộng chi phí.

Phương pháp này thích hợp với việc xây lắp các công trình lớn, phức tạp, quá trình sản xuất có thể được tiến hành thông qua các đội sản xuất khác nhau mới hoàn

thành được sản phẩm. Trong trường hợp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

$$Z = Dđk + C1 + C2 + \dots + Cn - Dck$$

Trong đó: C1, C2, ..., Cn là chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình của một công trình.

5.4.2.4. Phương pháp định mức.

Phương pháp này được áp dụng ở những doanh nghiệp có quy trình sản xuất đã định hình và đi vào ổn định, đồng thời doanh nghiệp đã xây dựng được các định mức vật tư, lao động có căn cứ kỹ thuật và tương đối chính xác. Việc quản lý và hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dựa trên cơ sở hệ thống định mức. Dựa vào hệ thống định mức, kế toán xác định giá thành đơn vị định mức sản phẩm, đồng thời cũng phải theo dõi chặt chẽ tình hình thay đổi định mức trong kỳ và tình hình chi tiêu cho sản xuất so với định mức. Giá thành sản phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & = & \text{Giá thành định} & + & \text{chênh lệch} & + & \text{Thay đổi} \\ \text{của sản phẩm} & & \text{mức của sản phẩm} & & \text{định mức} & & \text{định mức} \end{array}$$

Trong đó, giá thành định mức của sản phẩm được xác định căn cứ vào định mức kinh tế, kỹ thuật hiện hành; chênh lệch định mức là số chênh lệch do thoát ly định mức (do tiết kiệm hoặc vượt chi); thay đổi định mức là do định mức kỳ này thay đổi so với kỳ trước.

$$\begin{array}{ccc} \text{Chênh lệch do thoát ly} & = & \text{Chi phí thực tế} & - & \text{Chi phí định mức} \\ \text{định mức} & & \text{(theo từng khoản mục)} & & \text{(theo từng khoản mục)} \end{array}$$

$$\text{Thay đổi định mức} = \text{Định mức mới} - \text{Định mức cũ}$$

Thông qua phương pháp này, doanh nghiệp có thể kiểm tra tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí sản xuất và tình hình sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả hay lãng phí chi phí, phát hiện kịp thời các nguyên nhân làm tăng giá thành, từ đó có biện pháp khắc phục kịp thời.

5.5. Hạch toán hoạt động xây lắp theo phương thức khoán gọn.

Chuyển sang cơ chế thị trường, hoạt động xây dựng cơ bản có nhiều thay đổi. Một trong những thay đổi đó là phương thức khoán gọn trong xây lắp được sử dụng ngày càng phổ biến. Các đơn vị nhận khoán (xí nghiệp, tổ, đội...) có thể nhận

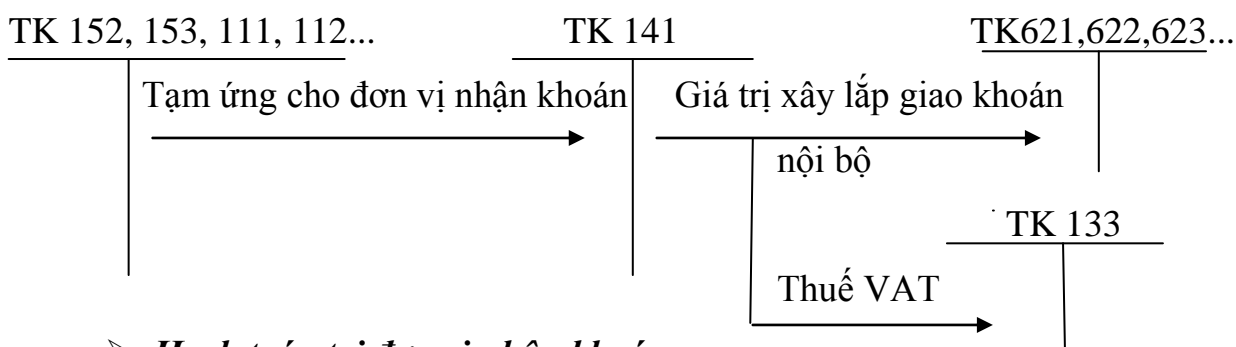
khoán gọn khối lượng, công việc hoặc hạng mục công trình. Giá nhận khoán bao gồm cả chi phí tiền lương, vật liệu, công cụ dụng cụ thi công, chi phí chung.

Khi nhận khoán, hai bên giao khoán và nhận khoán phải lập hợp đồng giao khoán trong đó ghi rõ nội dung công việc, trách nhiệm, quyền lợi mỗi bên và thời hạn thực hiện hợp đồng. Khi hoàn thành công trình nhận khoán và bàn giao, hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng.

5.5.1. Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng

➤ **Hạch toán tại đơn vị giao khoán.**

Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất tại đơn vị giao khoán



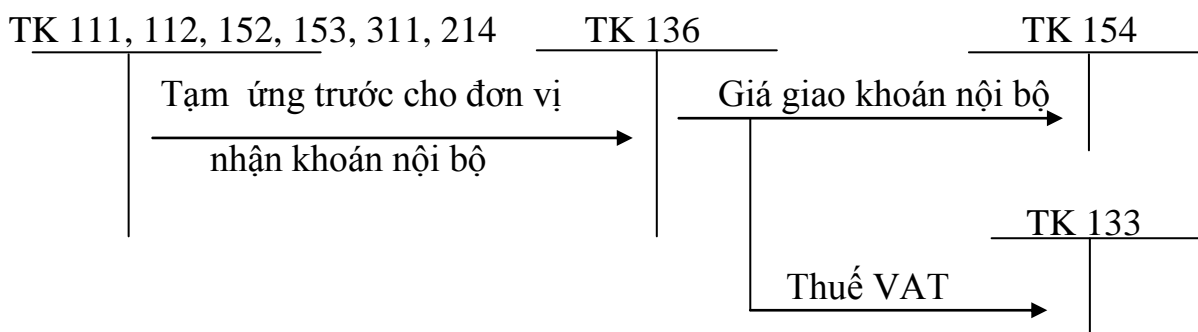
➤ **Hạch toán tại đơn vị nhận khoán.**

Đơn vị nhận khoán không có bộ máy kế toán riêng mà chỉ có nhân viên thực hiện công tác ghi chép ban đầu và mở sổ theo dõi khối lượng xây lắp nhận khoán cả về giá trị nhận khoán và chi phí thực tế theo từng khoản mục chi phí. Số chênh lệch giữa chi phí thực tế với giao khoán là mức tiết kiệm hoặc vượt chi của đơn vị nhận khoán.

5.5.2. Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng.

5.5.2.1. Hạch toán tại đơn vị giao khoán.

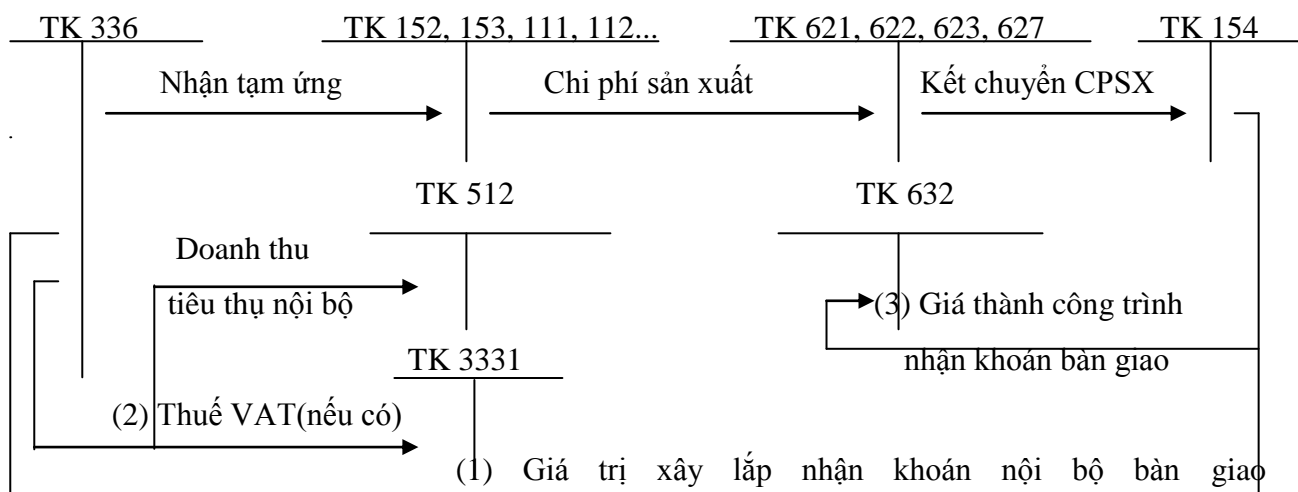
Kế toán tại đơn vị cấp trên (đơn vị giao khoán) sử dụng tài khoản 136 (1362 – phải thu về giá trị khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ) để phản ánh toàn bộ giá trị mà đơn vị ứng về vật tư, tiền, khấu hao tài sản cố định... cho các đơn vị nhận khoán nội bộ, chi tiết theo từng đơn vị. Đồng thời tài khoản này cũng sử dụng để phản ánh giá trị xây lắp hoàn thành nhận bàn giao từ các đơn vị nhận khoán nội bộ có phân cấp quản lý riêng. Tài khoản này theo quy định chỉ sử dụng ở đơn vị giao khoán.



5.5.2.2 Hạch toán tại đơn vị nhận khoán.

Kế toán đơn vị cấp dưới (đơn vị nhận khoán) sử dụng tài khoản 336 (3362- phải trả về giá trị khối lượng xây lắp nội bộ) để phản ánh tình hình nhận tạm ứng và quyết toán giá trị khối lượng xây lắp nhận khoán nội bộ với đơn vị giao khoán (cấp trên).

Sơ đồ hạch toán tại đơn vị hạch toán



- Đơn vị nhận khoán không hạch toán kết quả
- Đơn vị nhận khoán hạch toán kết quả

5.6. Tổ chức sổ sách kế toán trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý và hạch toán kế toán, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại mỗi doanh nghiệp phải được phản ánh đầy đủ trên một hệ thống sổ kế toán nhất định. Theo chế độ kế toán hiện hành, có tất cả 4 hình thức tổ chức sổ kế toán là: nhật ký sổ cái, nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký chứng từ.

5.6.1. Hình thức nhật ký sổ cái.

Hình thức tổ chức sổ này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình kinh doanh đơn giản, chỉ thực hiện một loại hoạt động, có quy mô nhỏ, trình độ quản lý và kế toán thấp, điều kiện lao động thủ công...

Theo hình thức nhật ký- sổ cái, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế. Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trước hết được thực hiện trên các bảng phân bổ chi phí, sổ chi tiết các tài khoản 621, 622, 623, 627, 154 và tiếp theo trên sổ tổng hợp nhật ký sổ cái. Sau đó, kế toán căn cứ vào các sổ chi tiết chi phí sản xuất, biên bản kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang và nhật ký sổ cái để lập bảng tính giá thành sản phẩm.

5.6.2. Hình thức nhật ký chung.

Hình thức tổ chức loại sổ này thường được áp dụng trong điều kiện giống như hình thức nhật ký sổ cái và rất phù hợp nếu doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

Theo hình thức sổ này, mọi nghiệp vụ phát sinh đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và cuối kỳ lên sổ cái. Ngoài ra doanh nghiệp còn mở một số sổ nhật ký đặc biệt. Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được thực hiện trên các bảng phân bổ chi phí, sổ chi tiết tài khoản và trên hệ thống sổ tổng hợp như nhật ký chung và sổ cái các TK 621, 622, 623, 627, 154. Dựa trên hệ thống sổ chi tiết, sổ cái và kết quả đánh giá sản phẩm dở dang, kế toán tiến hành lập bảng tính giá thành sản phẩm.

5.6.3. Hình thức chứng từ ghi sổ.

Đây là hình thức kế toán kết hợp ghi sổ theo thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái. Theo hình thức sổ này, các chứng từ phản ánh các nghiệp vụ kinh tế có cùng nội dung sẽ được tập hợp để đưa lên chứng từ ghi sổ và cuối kỳ lên sổ cái trên cơ sở các chứng từ ghi sổ kèm theo các chứng từ gốc. Việc hạch toán chi phí sản xuất được thực hiện trên sổ kế toán chi tiết theo đối tượng hạch toán chi phí và sổ cái các tài khoản 621, 622, 623, 627, 154. Việc tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp trên sổ cái được căn cứ vào các chứng từ ghi sổ. Hình thức tổ chức sổ này thường được áp dụng

trong các doanh nghiệp có mật độ nghiệp vụ phát sinh tương đối lớn và đã có sự phân công lao động kế toán.

5.6.4. Hình thức nhật ký – chứng từ.

Đây là hình thức tổ chức sổ kế toán dùng để tập hợp và hệ thống các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của tài khoản, kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ đó theo bên Nợ của các tài khoản đối ứng. Để theo dõi chi phí sản xuất kinh doanh, kế toán sử dụng các bảng kê: bảng kê số 4 (tập hợp chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình), bảng kê 5 (tập hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp), bảng kê 6 (tập hợp chi phí trả trước, chi phí phải trả) và nhật ký- chứng từ số 7 (tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp). Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các sổ chi tiết, bảng phân bổ phục vụ cho hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

PHẦN II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TRUNG XUYÊN

1. Đặc điểm tình hình hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

1.1.1. Lịch sử hình thành công ty.

Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002692 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 06 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 02 năm 2007.

Tên công ty: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TRUNG XUYÊN.

Tên giao dịch: TRUNG XUYÊN ARCHITECTURE CONSTRUCTION COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt: TRUNG XUYÊN CO.,LTD.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 16, ngõ 2, đường Trần Quý Kiên, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 37931654

Fax: 37931679

Công ty đã đăng ký tài khoản bằng Vietnamdong và ngoại tệ tại chi nhánh ngân hàng Techcombank quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội.

Số tài khoản giao dịch là: 102010000073697.

Theo giấy chứng nhận đăng ký thuế được cấp bởi cục thuế quận Cầu Giấy thành phố Hà Nội ngày 13/ 06/ 2006, mã số thuế của công ty là 0103957305.

1.1.2. Hình thức, đặc điểm pháp lý.

Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên là loại hình công ty TNHH, hoạt động kinh doanh theo Luật doanh nghiệp năm 2005.

Vốn điều lệ: 1 800 000 000 đ.

Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị góp vốn	Phần vốn góp (%)
1	Nguyễn Văn Vinh	Số 314, đường Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	918.000.000	51.0
2	Chung, Chih-ming	N270, Lunping Rd Chuanghua City, Chunghua Country 500 Taiwan.	882.000.000	49.0

- Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên có :

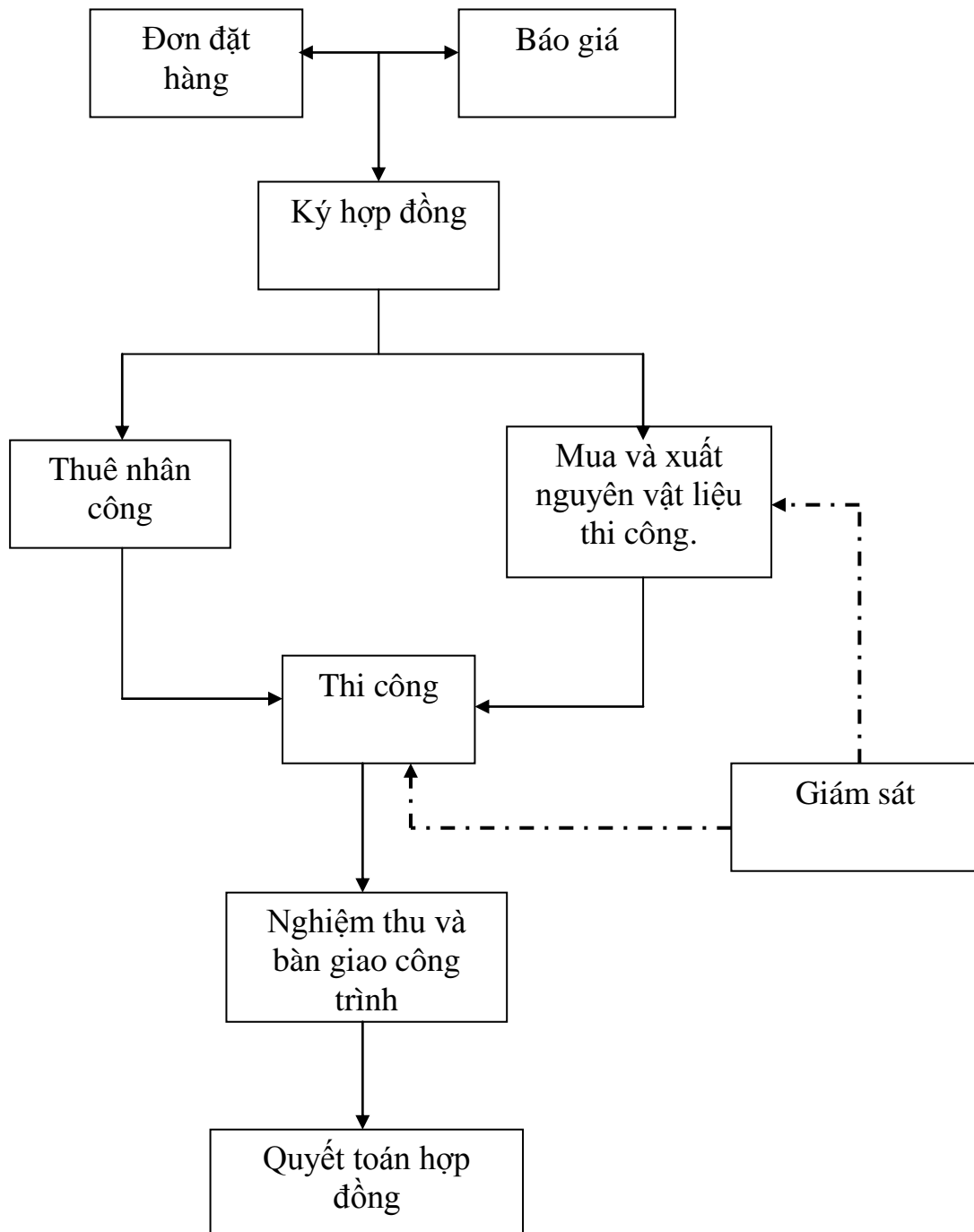
- ◆ Tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- ◆ Chế độ trách nhiệm hữu hạn: Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn cam kết góp vào doanh nghiệp.
- ◆ Thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá năm mươi.
- ◆ Quyền và nghĩa vụ được quy định cụ thể trong Luật doanh nghiệp 2005, trong điều lệ công ty và những văn bản khác.
- ◆ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

1.2.1 .Ngành nghề kinh doanh.

- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình.
 - Thiết kế kiến trúc công trình.
 - Thiết kế ngoại nội thất công trình.
 - Thiết kế hệ thống cấp thoát nước, môi trường nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp.
 - Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110kv.
 - Xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).
 - Giám sát lắp đặt thiết bị điện hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp.
- Với số vốn ban đầu không nhiều đồng thời để tạo tiền đề vững chắc nhằm phát triển tất cả các ngành nghề trên, hiện nay công ty đang tập trung vào lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).
- Qua 4 năm hoạt động, với vị thế là một doanh nghiệp mới, quy mô hoạt động không lớn, song công ty đang từng ngày có những bước đi vững chắc dần xây dựng chỗ đứng cho doanh nghiệp trên thị trường, hướng tới tạo lập giá trị của doanh nghiệp trong tương lai.

1.2.2. Quy trình hoạt động chủ yếu của công ty.



Quy trình hoạt động của công ty được tiến hành như sau :

- Có đơn đặt hàng từ khách hàng, công ty gửi bản báo giá cho khách hàng, nếu khách hàng đồng ý với báo giá, công ty tiến hành ký hợp đồng kinh tế với khách hàng. Có 2 dạng hợp đồng là hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng chi tiết. Với những bạn hàng lâu năm, đã có sự tin tưởng giữa 2 phía, công ty thường ký hợp

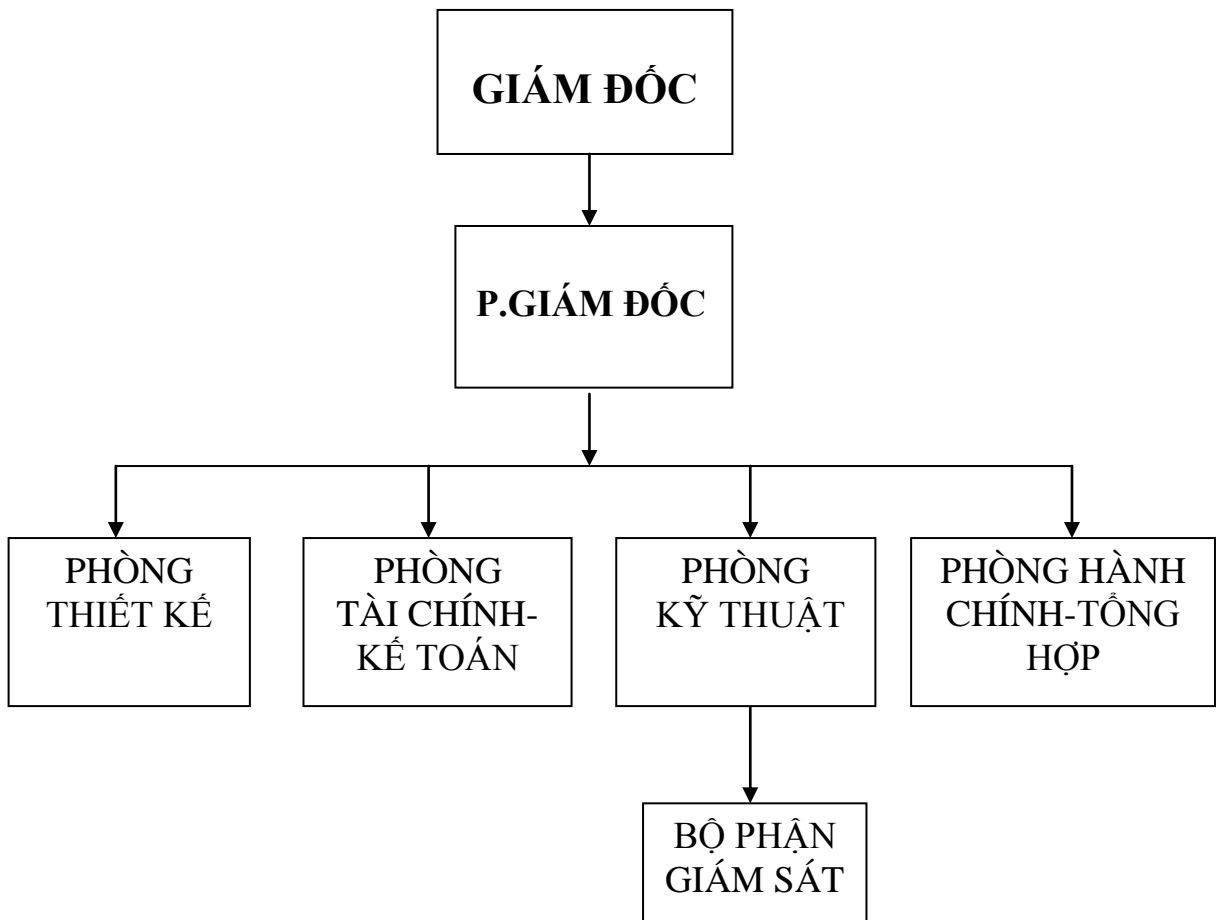
đồng nguyên tắc, là hợp đồng chỉ ký một lần trong năm, còn mỗi lần có quan hệ kinh tế phát sinh thì chỉ kèm theo đơn đặt hàng cho từng lần. Với những trường hợp còn lại công ty ký hợp đồng chi tiết.

- Sau khi ký hợp đồng kinh tế, theo thời gian địa điểm đã thoả thuận, công ty tiến hành mua vật tư, máy móc, thiết bị cần thiết cho việc xây dựng. Tùy thuộc vào quy mô xây dựng mà công ty thuê đơn vị thi công lớn hay nhỏ. Đơn vị thi công có trách nhiệm hoàn thành một phần công trình(công việc) với chất lượng, thời gian và giá thành như đã thoả thuận.

- Sau khi công trình hoàn thành công ty sẽ tiến hành nghiệm thu và bàn giao công trình theo đúng thời gian và chất lượng như đã cam kết.

- Việc thanh toán và quyết toán hợp đồng diễn ra theo đúng quy định trong hợp đồng kinh tế.

1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.



Giám đốc: Đại diện cho công ty trước pháp luật và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Phó giám đốc: Trực tiếp nhận nhiệm vụ của giám đốc, thay mặt giám đốc khi giám đốc vắng mặt, trực tiếp quản lý các hoạt động tổ chức, hành chính, bộ phận bán hàng, kinh doanh trong công ty.

Phòng hành chính – tổng hợp: Có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương theo yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm lo các vấn đề về nhân sự của công ty, tổ chức, quản lý hành chính công ty.

Phòng tài chính – kế toán: Có chức năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm, cung cấp các chỉ tiêu kinh tế tài chính cần thiết cho giám đốc công ty, thực hiện hạch toán theo quy định của nhà nước và điều lệ công ty, lập các báo cáo tài chính theo tháng, quý, năm.

Phòng thiết kế: có nhiệm vụ thiết kế mô hình và tính toán số liệu trên bản vẽ của công trình theo yêu cầu của khách hàng.

Phòng kỹ thuật: Là bộ phận chức năng của Công ty, tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình, công tác an toàn lao động và các hoạt động khoa học kỹ thuật. Xây dựng tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm và làm thủ tục đăng ký chất lượng, bản quyền với các cơ quan Nhà nước có liên quan.

Ngoài ra công ty còn một số bộ phận, phòng ban khác.

1.4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

Hoạt động chủ yếu của công ty hiện nay là thiết kế công trình và thi công xây dựng và tân trang, sửa chữa các công trình dân dụng và công nghiệp. Ngoài ra công ty còn hoạt động trong lĩnh vực thương mại, buôn bán vật liệu xây dựng, thiết bị văn phòng, trang trí nội thất văn phòng...

Công ty đang ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thị trường trong nước, mở rộng địa bàn xây dựng cũng như các chi nhánh mới. Cụ thể năm 2009 công ty đã mở thêm chi nhánh tại Trường Sơn _ An Lão _ Hải Phòng.

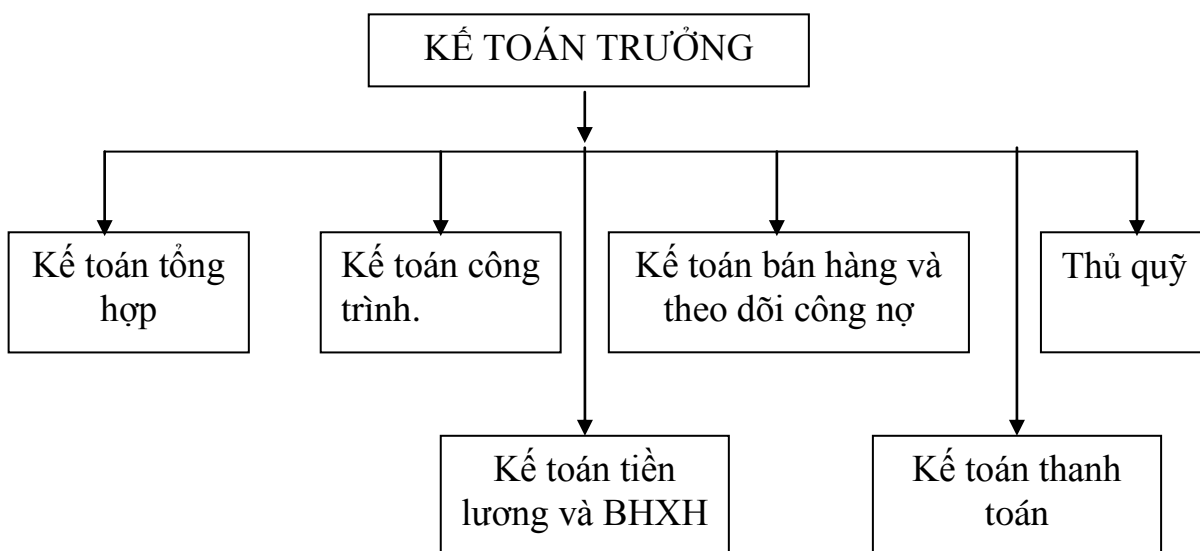
Tận dụng được nguồn nhân công thấp và địa điểm chi nhánh cũng rất thuận lợi nên công ty luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch dự toán. Mang lại thu nhập cao cho công nhân cũng như nguồn thu ngân sách nhà nước. Điều đó được thể hiện trong bảng báo cáo kết quả kinh doanh của công ty trong 3 năm gần đây.

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
DT thuần	16.457.283.626	18.943.044.834	19.991.817.452
Giá vốn	15.737.473.644	17.983.298.193	18.862.703.756
Chi phí QLDN	439.774.475	628.249.250	785.311.563
Doanh thu hoạt động tài chính	2.650.280	3.312.850	4.732.643
Tổng LNTT	282.685.785	334.810.240	348.534.780

1.5. Bộ máy tổ chức kế toán.

1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán ở công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty



❖ Chức năng và nhiệm vụ.**● Kế toán trưởng:**

+ Là người chịu trách nhiệm trước ban lãnh đạo công ty về công tác kế toán tài chính, trực tiếp điều hành về tài chính, tổ chức và hướng dẫn thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước, bảo vệ kế hoạch tài chính, tham gia ký kết và kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng kinh tế của công ty.

+ Tính chi phí sản xuất và tổng chi phí, lập báo cáo quyết toán.

+ Làm báo cáo theo tháng, quý, năm để phục vụ cho việc cấp phát và quản lý tiền đối với các đơn vị bên dưới. Kế khai thuế, quyết toán thuế đối với doanh nghiệp.

+ Báo cáo với các cơ quan cấp trên về tình hình tài chính của công ty như thông báo với cơ quan thuế về việc thực hiện các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước...

● Kế toán tổng hợp:

+ Theo dõi tổng hợp và phân tích số liệu, báo cáo các phân hành, bộ phận kế toán .

+ Lập cân đối theo dõi các sổ sách như: Tổng hợp doanh thu, tổng hợp chi phí, chi phí sản xuất theo yếu tố, bảng cân đối tài khoản, kết quả kinh doanh và các báo cáo tài chính tháng, quý, năm.

● Kế toán bán hàng và theo dõi công nợ:

+ Viết hoá đơn bán hàng, mở sổ tổng hợp và chi tiết theo dõi doanh thu. Đồng thời cùng với kế toán thanh toán theo dõi công nợ chi tiết của từng công trình, hạng mục công trình.

● Kế toán thanh toán:

+ Thực hiện thanh toán bằng tiền cho tất cả các khoản chi trong nội bộ công ty như: tiền lương, tiền mua nguyên vật liệu và các trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ Theo dõi các khoản công nợ phải thu, phải trả và tình hình thanh toán đối với khách hàng, nhà cung cấp và nghĩa vụ với Nhà nước. Đồng thời kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ thu, chi trước khi làm thủ tục thanh toán và lưu trữ.

+ Nhận giấy báo Nợ, giấy báo Có của ngân hàng.

+ Thực hiện ghi séc, ủy nhiệm chi phục vụ cho việc mua bán và sản xuất của công ty. Mở sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng, vào sổ theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng, nhà cung cấp qua ngân hàng.

• **Kế toán tiền lương và bảo hiểm xã hội:**

+ Hàng tháng theo dõi, tính ra tiền lương và các khoản trích theo lương phải trả cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

+ Theo dõi các khoản tạm ứng cho công nhân viên để trừ vào lương trong tháng.

• **Thủ quỹ:**

+ Chịu trách nhiệm về quỹ tiền mặt của công ty. Hàng ngày căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi hợp lệ, theo dõi nhập xuất, tồn quỹ cuối ngày để tiến hành đối chiếu với số dư tiền mặt do kế toán tiền mặt theo dõi.

• **Kế toán công trình:**

Tập hợp các chứng từ liên quan đến vật tư xuất dùng cho thi công, theo dõi tình hình nhập xuất nhiên liệu, vật tư, khấu hao máy thi công.

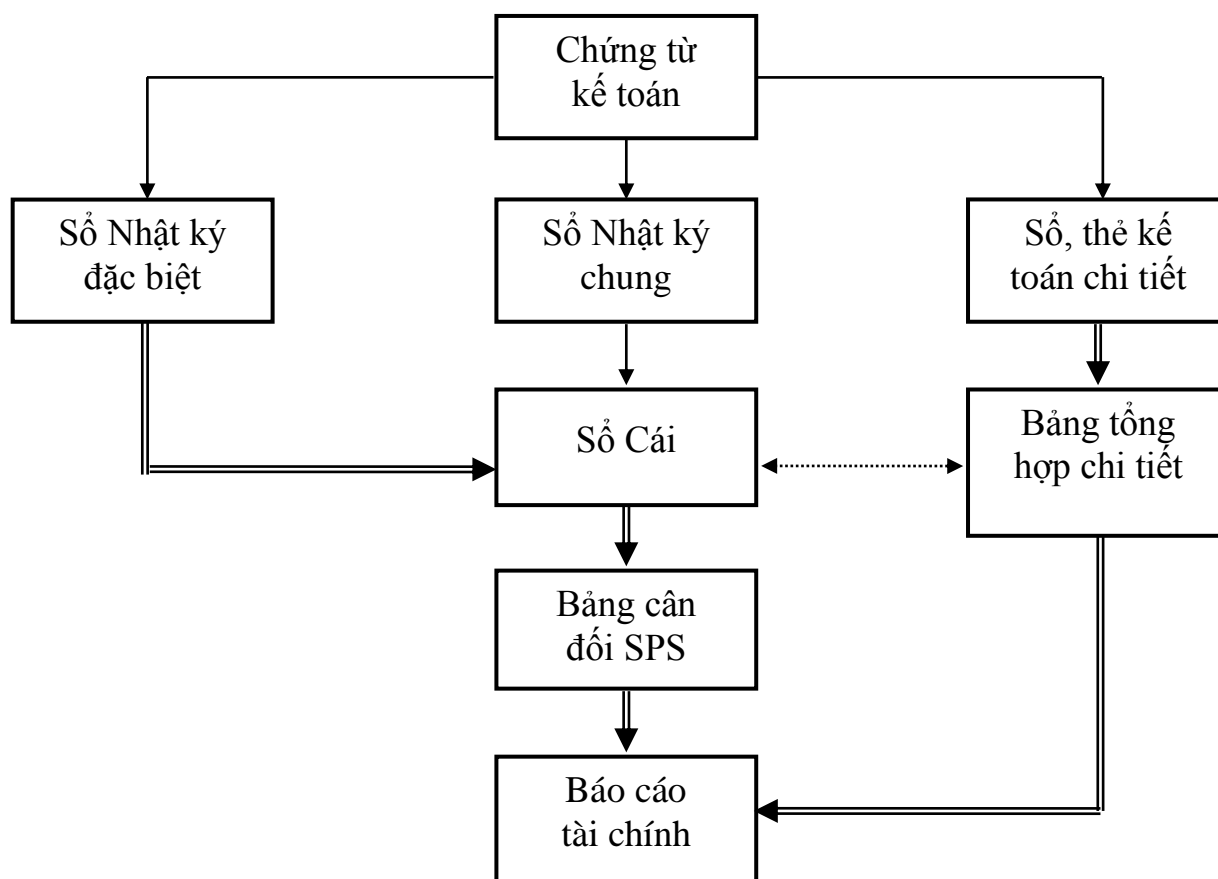
1.5.2. Hình thức tổ chức, hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty hiện nay.

Phòng kế toán hoạt động theo mô hình tổ chức kế toán tập trung, duy nhất đảm nhiệm toàn bộ công tác kế toán của công ty. Kể từ ngày thành lập cho đến nay công tác hạch toán kế toán ở công ty luân chuyển chứng từ theo hình thức "**nhật ký chung**".

✓ **Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm :**

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ chi tiết các tài khoản.
- Bảng tổng hợp.

Sơ đồ luân chuyển chứng từ theo hình thức nhật ký chung:



Ghi chú :

- : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng
- ←-----> : Đối chiếu

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ *nhật ký chung*, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ *nhật ký chung* để ghi vào sổ *cái* theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ *nhật ký chung*, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ *cái*, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu, số liệu ghi trên sổ *cái* và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập *báo cáo tài chính*.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ *nhật ký chung* (hoặc sổ *nhật ký chung* và các sổ *nhật ký đặc biệt* sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ *nhật ký đặc biệt*) cùng kỳ.

✓ **Chế độ kế toán áp dụng.**

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: **Sổ nhật ký chung.**
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp hạch toán giá trị vật tư xuất dùng: phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính theo quyết định 206/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/12/2003.

Căn cứ vào hệ thống chứng từ kế toán Nhà nước đã ban hành theo Quyết định số 15/QĐ/BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính và nội dung kinh tế của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã vận dụng những mẫu chứng từ ban đầu phù hợp với quy định cụ thể theo một trình tự nhất định để theo dõi ghi chép, tổ chức quản lý và cấp phát chứng từ ghi chép cho các bộ phận có liên quan.

2. Công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

Trước khi đi vào thực tế công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp của công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên chúng ta cần tìm hiểu qua đặc điểm chi phí sản xuất ở công ty.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nên chi phí sản xuất của Công ty cũng bao gồm 4 khoản mục phí đó là: chi phí nguyên vật liệu trực

tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung. Các công trình trước khi bắt đầu thi công đều phải lập dự toán cho từng khoản mục phí và đó là cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành và hiệu quả hoạt động của công ty.

❖ **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của Công ty bao gồm toàn bộ giá trị vật liệu cần thiết để tạo ra sản phẩm hoàn thành. Giá trị vật liệu bao gồm giá trị thực tế của vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, động lực, phụ tùng phục vụ cho máy móc, phương tiện thi công.

❖ **Chi phí nhân công trực tiếp.**

Chi phí nhân công trực tiếp của Công ty bao gồm các khoản chi trả lương cho người lao động, không kể các khoản trích BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN tính trên quỹ lương của công nhân trực tiếp sản xuất. Ngoài tiền lương trả cho người công nhân trực tiếp sản xuất trong biên chế doanh nghiệp, chi phí nhân công trực tiếp của Công ty còn bao gồm cả tiền công trả cho lao động thuê ngoài. Trong khoản mục chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân điều khiển máy thi công.

❖ **Chi phí sử dụng máy thi công.**

Là những khoản chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công để hoàn thành sản phẩm của Công ty, các khoản chi phí này bao gồm: khấu hao máy thi công, tiền lương công nhân vận hành máy thi công (không kể các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tính trên lương của công nhân vận hành máy thi công), chi phí nhiên liệu vận hành máy thi công, chi phí thuê máy thi công,...nhưng việc theo dõi khoản chi phí máy thi công có thể thay đổi theo từng công trình. Với những công trình sử dụng máy thi công ít thì việc hạch toán tiền lương công nhân vận hành máy thi công và chi phí thuê ngoài máy thi công được hạch toán vào chi phí sản xuất chung.

❖ Chi phí sản xuất chung.

Là chi phí phục vụ cho sản xuất nhưng không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, khoản chi phí này bao gồm: lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương của đội quản lý, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tính trên quỹ lương công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân vận hành máy thi công và nhân viên quản lý đội thuộc biên chế doanh nghiệp, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước, các chi phí bằng tiền khác như bảo hiểm công trình, chi giao dịch,...

Sản phẩm công ty sản xuất ra là các công trình xây dựng. Đối tượng được công ty sử dụng để ký kết các hợp đồng thi công là công trình nên đối tượng hạch toán chi phí sản xuất tại công ty được xác định theo công trình, hạng mục công trình. Các khoản chi phí trên đây (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung) được tập hợp theo từng đơn vị thi công và theo từng công trình, hạng mục công trình để tính giá thành.

2.1. Công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung xuyên.

2.1.1. Công tác tổ chức hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Để tiến hành quá trình xây lắp, vật liệu đóng một vai trò quan trọng trong các yếu tố chi phí đầu vào. Đối với công ty, nguyên vật liệu trực tiếp là khoản mục chi phí cơ bản và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong toàn bộ chi phí sản xuất của công ty. Vật liệu sử dụng khác nhau và được sử dụng cho các mục đích khác nhau.

Các công trình thi công phân bố ở nhiều nơi, xa công ty nên để tạo thuận lợi và đáp ứng tính kịp thời của việc cung ứng vật liệu, công ty giao cho các đối tượng thi công tự tìm các nguồn cung cấp vật liệu bên ngoài dựa trên cơ sở định mức được đưa ra.

Để tiến hành mua ngoài vật liệu, trên cơ sở định mức đã có, đội trưởng đội thi công tiến hành viết giấy đề nghị tạm ứng gửi lên phòng kế toán tài chính, sau đó khi được xét duyệt và nhận tiền tạm ứng, chỉ huy công trình hoặc nhân viên

quản lý chủ động mua ngoài vật liệu và chuyển tới công trình để sử dụng ngay, kế toán công trình tiến hành lập phiếu nhập kho xuất thẳng dựa trên hóa đơn GTGT mua vật liệu đội trưởng thi công đưa.

Đơn giá xuất kho của công ty áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh. Đối tượng tập hợp chi phí nguyên vật liệu được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình.

❖ ***Chứng từ, sổ kế toán và tài khoản sử dụng***

Chứng từ, sổ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho.
- Bảng phân bổ vật tư sử dụng
- Sổ chi tiết TK 621
- Sổ cái TK 621

TK sử dụng: 621 “chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp”

Ví dụ : Tài liệu của công ty trong quý 2 năm 2010 như sau:

Biểu số 01:

HOÁ ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG QY/2009B

Liên 2: Giao khách hàng **0010773**

Ngày: 28 tháng 5 năm 2010

Đơn vị bán hàng: TS

Địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số tài khoản: 20 TÔN THẤT TÙNG - HÀ NỘI

Điện thoại: MS: MST: 0100100368

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH KT-XD Trung Xuyên

Địa chỉ: Số 16 Ngõ 2 - Trần Quý Kiên - Cầu Giấy - Hà Nội


Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TÍN DỤNG MS: 0103957305

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Chép xây dựng				
	Chép dầm	kg	282	14.100	3.976.200
	φ 6	-	22.048	-	340.876.800
	φ 8	-	2.370	14.200	33.654.000
	Chép cây ØD295	-	1.256	14.000	17.584.000
	φ 12	-	1.442	-	20.188.000
	φ 14	-	505	-	7.070.000
	φ 16	-	246,3	-	3.448.200
	φ 18	-	6.788	-	95.032.000
	φ 22	-			
Tổng cộng hàng:			54.937,3		491.129.200
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		49.112.920
Tổng cộng tiền thanh toán:					541.012.120

Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm bốn mươi mốt triệu hai ngàn một trăm hai mươi đồng.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên): *[Ký]*
 Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên): *[Ký]*



Người bán hàng đơn vị: *[Ký]*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hàng)

Căn cứ vào hóa đơn trên và giấy đề nghị tạm ứng vật tư theo yêu cầu của đội trưởng đội thi công số 12, kế toán trưởng tiến hành lập biên bản giao nhận vật tư.

Biểu số 02:

Công ty TNHH Kiến Trúc

Xây Dựng Trung Xuyên.

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Ngày 28 tháng 05 năm 2010

Số : 08

Hôm nay, ngày 28 tháng 5 năm 2010, tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên. Chúng tôi gồm:

- Ông Nguyễn Văn Vinh: Giám đốc công ty TNHH KT-XD Trung Xuyên.
- Người nhận vật tư: Nguyễn Văn Thiêm- Đội trưởng.
- Đơn vị nhận: Đội xây dựng số 12.

Cùng tiến hành lập biên bản giao nhận vật tư bao gồm các vật tư sau:

- Lý do giao nhận: Phục vụ xây dựng công trình .

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép cuộn φ 6		Kg		282	14.100	3.976.200
2	Thép cuộn φ 8		Kg		22.048	14.100	310.876.800
3	Thép cuộn φ 10		Kg		2.370	14.200	33.654.000
4	Thép cây φ 12		Kg		1.256	14.000	17.584.000
5	Thép cây φ 14		Kg		1.442	14.000	20.188.000
6						
	Cộng						491.829.200

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): *bốn trăm chín một triệu tám trăm hai chín nghìn hai trăm đồng chẵn.*

Xuất, ngày 28 tháng 05 năm 2010

Giám đốc công ty

(Ký, họ tên)

Người bàn giao

(Ký, họ tên)

Người nhận vật tư

(Ký, họ tên)

Biên bản giao nhận vật tư được lập thành 2 liên, 1 liên do đội trưởng lĩnh vật tư giữ, 1 liên do kế toán công trình giữ để theo dõi lấy số liệu ghi vào báo cáo xuất vật tư được lập vào cuối tháng cho từng công trình, hạng mục công trình trong tháng. Sau đó gửi về phòng Tài chính- tổng hợp của Công ty vào đầu tháng sau để kế toán công ty tập hợp và theo dõi.

Biểu số 03:

Đơn vị: *Đội XD số 12*

Mẫu số: 04-VT

Địa chỉ: *Cty TNHH KT-XD*

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/

Trung Xuyên.

QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của

Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO XUẤT VẬT TƯ

Tháng 05 năm 2010

Tên công trình : Nhà máy sản xuất mũ giấy và giấy xuất khẩu Quỳnh Khôi.

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép cuộn φ 6		Kg		282	14.100	3.976.200
2	Thép cuộn φ 8		Kg		22.048	14.100	310.876.800
3	Thép cuộn φ 10		Kg		2.370	14.200	33.654.000
4	Thép cây φ 12		Kg		1.256	14.000	17.584.000
5	Thép cây φ 14		Kg		1.442	14.000	20.188.000
6						
Cộng							491.829.200

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): *bốn trăm chín một triệu tám trăm hai chín nghìn hai trăm đồng chẵn.*

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Thủ kho công trình

(ký, họ tên)

Đội trưởng

(ký, họ tên)

Kế toán căn cứ vào biên bản giao nhận vật tư và các báo cáo xuất vật tư do các đội gửi về tiến hành tổng hợp để ghi vào sổ nhật ký chung, từ nhật lý chung vào sổ cái tài khoản 621 và sổ chi phí sản xuất kinh doanh. Cuối tháng, kế toán lập bảng tổng hợp vật liệu xuất dùng.

Biểu số 04:

Công ty TNHH Kiến Trúc

Xây Dựng Trung Xuyên

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 2 năm 2010

Đơn vị: đồng

NT GS	CT		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
							
28/05	PC35	28/05	Mua vật tư xuất thẳng cho công trình Quỳnh Khôi.			621 133 111 112	491.829.200 49.182.920	270.506.060 270.506.060
							
			Cộng phát sinh				15.120.580.000	15.120.580.000

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 05:

Công ty TNHH Kiến Trúc

Xây Dựng Trung Xuyên.

SỔ CÁI

Quý 2 năm 2010

TK: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

SHTK: 621

STT	Chứng từ gốc		Diễn Giải	NKC		Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang Sổ	STT dòng		Nợ	Có
			SĐĐK				0	
1	PX37	06/04	Xuất vật tư thi công			111	55.760.800	
2	PX38	28/05	Xuất vật tư thi công			111	491.829.200	
3	PX39	10/06	Xuất vật tư thi công			331	121.320.400	
4	PKT19	30/06	Kết chuyển CPNVLTT			154		668.910.400
			Cộng số phát sinh			x	668.910.400	668.910.400
			Số dư cuối quý			x	0	

Người lập bảng

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

2.1.2. Công tác tổ chức hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.

❖ Đặc điểm

Tiền lương là một trong những yếu tố quan trọng cấu thành nên chi phí sản xuất của Công ty đồng thời là nguồn thu nhập chính của công nhân. Đây là đòn bẩy kinh tế để kích thích tinh thần tích cực lao động, là nhân tố để nâng cao năng suất lao động nhằm sử dụng lao động một cách hiệu quả nhất, tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo được đời sống lao động cho người dân. Để thực hiện được mục tiêu này, công ty đã hạch toán đúng, đầy đủ và thanh toán lương cho công nhân viên kịp thời, thưởng phạt hợp lý để khuyến khích công nhân làm việc tích cực và hăng say trong công tác.

Thực hiện công tác xây lắp các công trình một phần là công nhân trong biên chế, đã ký thỏa ước lao động với công ty. Công ty cũng phải thuê thêm lao động ngoài theo hợp đồng ngắn hạn những công việc mà lao động công ty không đảm nhiệm được.

Mỗi đội xây dựng có một Đội trưởng thi công, một Giám sát viên để đơn đốc, theo dõi, hỗ trợ công nhân trong đội thực hiện phần việc được giao khoán đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiến độ công trình. Khối lượng công việc hoàn thành kê toán công ty lập bảng lương và thanh toán lương kịp thời cho công nhân.

Phương pháp tính bảng lương cho công nhân viên được chia làm hai loại. Nếu đối tượng lao động là đối tượng thuê ngoài (công nhân trực tiếp xây dựng) thì áp dụng tính lương theo công thức:

$$\text{Tiền công phải trả} = \text{Khối lượng công việc giao khoán} \times \text{Đơn giá tiền lương.}$$

Còn đối với những người lao động làm công tác văn phòng, lao động quản lý: tổ chức lao động, tài vụ, hành chính,...

Thời gian làm việc 26 ngày/tháng:

$$\text{Tiền lương tháng của một công nhân viên} = \frac{\text{Mức lương tối thiểu} \times \text{hệ số lương}}{26 \text{ ngày}} \times \text{Số ngày làm việc thực tế trong tháng}$$

$$\text{Lương phải trả cho một công nhân viên} = \text{Lương thời gian} + \text{Các khoản phụ cấp}$$

✓ **Chứng từ sử dụng.**

Những chứng từ gốc làm căn cứ để tính lương tại công ty là: Bảng chấm công, bảng thanh toán lương, hợp đồng giao khoán, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, bảng phân bổ tiền lương và trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN. Bảng tính lương được lập cho từng công đội xây dựng và chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

✓ **Tài khoản sử dụng.**

Kế toán sử dụng Tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”

Một số TK liên quan như: TK 334, 338, 111, 112,...

TK 338 “Phải trả phải nộp khác” gồm:

+ TK 3382: Kinh phí công đoàn

+ TK 3383: Bảo hiểm xã hội

+ TK 3384: Bảo hiểm y tế

✓ **Phương pháp kế toán.**

Kế toán căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành và bảng chấm công từ các đội gửi để lập bảng lương và trích BHXH, BHYT, KPCĐ, TCTN theo quy định cho công nhân viên.

Biểu số 06:

Đơn vị: Đội XD số 12

Địa chỉ: Cty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

BIÊN BẢN XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG ĐÃ HOÀN THÀNH

Quý 2 năm 2010

Công trình: Nhà máy sản xuất mũ giấy và giấy xuất khẩu Quỳnh Khôi.

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá tiền lương	Thành tiền	Ghi chú
1	Đổ bê tông giăng tường	M ³	30	85.000	2.550.000	
2	Tường xây 220	M ³	122	125.000	15.250.000	
3	Tường xây 110	M ³	42	110.000	4.620.000	
4	Gia công thép	M ³	55	290.000	15.920.000	
5	Đổ đầm khung cột	M ³	250	110.000	27.500.000	
6	
	Cộng				112.560.000	

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đội trưởng

(Ký, họ tên)

Kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Nhân viên giám sát

(Ký, họ tên)

Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành trên là căn cứ để kế toán tính lương cho công nhân xây dựng được phép lưu giữ tại đội thi công, khi công trình hoàn thành, nghiệm thu và bàn giao cho công ty thì chuyển về phòng tài chính tổng hợp. Kế toán tiến hành kiểm tra, xem xét đối chiếu với dự toán được duyệt hay quyết toán công trình đã được phê duyệt. Và tiến hành lập bảng thanh toán lương, ghi chép nhật ký chung, sổ cái các tài khoản liên quan, sổ chi tiết tài khoản 622. Cuối quý, dựa vào các số liệu đã được kiểm tra đối chiếu kế toán tập hợp vào bảng tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình.

Biểu số 07:

*Công ty TNHH Kiến Trúc
Xây Dựng Trung Xuyên*

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ NHÂN CÔNG
TRỰC TIẾP**

Quý 2 năm 2010

Đơn vị tính: đồng.

STT	Tên công trình	Tổng cộng CPNCTT	Lương CNTTSX
1	Nhà máy sản xuất mũ giấy và giày xuất khẩu Quỳnh Khôi	112.560.000	112.560.000
2
	Cộng	385.420.000	385.420.000

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập bảng

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Từ bảng tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp kế toán ghi sổ nhật ký chung, kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản 154.

Nợ TK 622 : 385.420.000

Có TK 334 : 385.420.000

Nợ TK 154 : 385.420.000

Có TK 622 : 385.420.000

(Chi tiết cho công trình nhà máy sản xuất mũ giấy và giày xuất khẩu Quỳnh Khôi).

Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN được trích theo tỷ lệ quy định:

- Trích BHXH 22% trong đó 16% tính vào chi phí kinh doanh và 6% tính vào thu nhập của người lao động.

- Trích BHYT 4.5% trong đó 3% tính vào chi phí kinh doanh, 1.5% tính vào thu nhập của người lao động.
- Trích KPCĐ 2% tính theo lương thực tế.
- Trích BHTN 2% trong đó 1% tính vào chi phí kinh doanh, 1% tính vào thu nhập của người lao động.

Kế toán tiến hành trích các khoản theo quy định như sau:

- Tổng BHXH là: $385.420.000 \times 16\% = 61.667.200$ đồng.
- Tổng BHYT là: $385.420.000 \times 3\% = 11.562.600$ đồng.
- Tổng KPCĐ là: $385.420.000 \times 2\% = 7.708.400$ đồng.
- Tổng BHTN là: $385.420.000 \times 1\% = 3.854.200$ đồng.

Các khoản trích trừ vào thu nhập của công nhân trực tiếp sản xuất bao gồm 6% BHXH, 1.5% BHYT và 1% BHTN trích trên tiền lương cơ bản của công nhân.

$$385.420.000 \times 8.5\% = 32.760.700 \text{ đồng}$$

Hàng tháng, kế toán công ty tiến hành phân bổ tổng chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho từng công trình, hạng mục công trình.

Các khoản BH phân bổ cho công nhân công trình nhà máy SX mũ giấy và giấy xuất khẩu giấy Quỳnh Khôi.

Tổng tiêu thức phân bổ x Tiền lương bộ phận

= $\frac{\hspace{10em}}{\text{Tổng tiền lương}}$

BHXH phân bổ cho công nhân công trình Quỳnh Khôi

$$= \frac{61.667.200 \times 112.560.000}{385.420.000} = 18.009.600 \text{ đ.}$$

BHYT phân bổ cho công nhân công trình Quỳnh Khôi.

$$= \frac{11.562.600 \times 112.560.000}{385.420.000} = 3.376.800 \text{ đ.}$$

$$\begin{array}{l} \text{KPCĐ phân bổ cho} \\ \text{công nhân công trình} \\ \text{Quỳnh Khôi.} \end{array} = \frac{7.708.400 \times 112.560.000}{385.420.000} = 2.251.200 \text{ đ.}$$

$$\begin{array}{l} \text{BHTN phân bổ cho} \\ \text{công nhân công trình} \\ \text{Quỳnh Khôi.} \end{array} = \frac{3.854.200 \times 112.560.000}{385.420.000} = 1.125.600 \text{ đ.}$$

Cuối quý, kế toán lập bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Biểu số 08:

Công ty TNHH Kiến Trúc

Xây Dựng Trung Xuyên

Mẫu số 11-LĐTL

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Quý 2 năm 2010

Công trình: Nhà máy sản xuất mũ giấy và giấy xuất khẩu Quỳnh Khôi.

STT	Ghi có TK	TK 334			TK 338					Tổng cộng
		Lương	Các khoản khác	Cộng có TK 334	TK 3382 (KPCĐ)	TK 3383 (BHXH)	TK3384 (BHYT)	TK3389 (BHTN)	Cộng có TK338	
1	TK 622	112.560.000	-	112.560.000						
2	TK 627				2.251.200	17.360.092	4.882.526	1.085.006	25.578.824	
	Cộng	112.560.000		112.560.000	2.251.200	17.360.092	4.882.526	1.085.006	25.578.824	138.138.824

Người lập bảng

(ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(ký, họ tên)

2.1.3. Công tác tổ chức hạch toán chi phí sử dụng máy thi công.

Chi phí sử dụng máy thi công là những chi phí mà công ty bỏ ra trong quá trình sử dụng máy thi công bao gồm chi phí về công nhân sử dụng máy thi công, các khoản trích theo lương, nhiên liệu chạy máy, sửa chữa trích trước và khấu hao máy thi công.

Sử dụng máy thi công trong quá trình thi công nhằm giảm bớt chi phí phục vụ công tác xây lắp toàn bộ công trình. Các công trình thi công thường xa trụ sở công ty và công ty cũng chưa có đủ điều kiện mua máy thi công như máy đào, xúc... nên công ty phải thuê ngoài (có hợp đồng thuê máy thi công và thanh lý hợp đồng). Chi phí sử dụng máy thi công tính theo phương pháp trực tiếp, máy thi công của công trình nào tính vào công trình đó và được tập hợp theo quý.

Hàng tháng theo báo cáo sử dụng máy thi công của các đội trưởng gửi về phòng tài chính tổng hợp công ty, được chi tiết hóa theo từng đối tượng công trình. Kế toán tập hợp ghi vào nhật ký chung, sổ cái các tài khoản liên quan. Cuối quý, kế toán lập bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công.

Biểu số 09:

Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG

Quý 2 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

S T T	Tên công trình, hạng mục công trình	Chi phí sử dụng máy thi công				Ghi chú
		Lương CN điều khiển MTC	Khấu hao máy móc	Chi phí vật liệu	Tổng số	
1	Nhà máy sản xuất mũ giày và giày xuất khẩu Quỳnh Khôi	15.823.700	15.587.000	9.473.000	40.883.000	
2	
	Cộng	70.516.000	56.800.000	45.260.000	172.576.000	

Giám sát công trường

(Ký, họ tên)

Đội trưởng

(Ký, họ tên)

Căn cứ vào các báo cáo chi phí sử dụng máy thi công của từng đội kế toán ghi sổ nhật ký chung, chi tiết tài khoản 623 và sổ cái tài khoản 623.

Biểu số 10:

Công ty TNHH Kiến Trúc

Xây Dựng Trung Xuyên

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 2 năm 2010

Đơn vị: đồng

NT GS	CT		Diễn giải	Đã ghi SC	STT đòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
							
15/04	PC42	15/04	Mua nhiên liệu phục vụ thi công			623 133 111	3.783.909 378.991	4.162.300
30/04	PKT20	30/04	Lương CN ĐKMTC			623 334	6.120.200	6.120.200
30/04	PKT21	30/04	Trích khấu hao máy thi công			623 214	5.195.667	5.195.667
12/05	PC45	12/05	Mua nhiên liệu phục vụ thi công			623 133 111	2.918.182 291.818	3.210.000
31/05	PKT28	31/05	Lương CN ĐKMTC			623 334	4.952.000	4.952.000
							
30/06	PKT34	30/06	Kết chuyển CP SDMTC			154 623	40.883.000	40.883.000
							
			Cộng phát sinh				15.120.580.000	15.120.580.000

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 11:

Công ty TNHH KT-XD
Trung Xuyên.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 623
Nhà máy sản xuất mũ giấy và giấy xuất khẩu
Quỳnh Khôi
Quý 2 năm 2010

S T T	Chứng từ gốc		Diễn giải	NKC		TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK				-	
1	PC42	15/04	Chi phí NL			111	4.162.300	
2	PKT20	30/04	Lương CN ĐKMTC			334	6.120.200.	
3	PKT21	30/04	Trích khấu hao MTC			214	5.195.667	
4	PC45	12/05	Chi phí NL			111	3.210.000	
5	PKT28	31/05	Lương CN ĐKMTC			334	4.952.000	
6	PKT29	31/05	Trích khấu hao MTC			214	5.195.667	
7	PC48	26/06	Chi phí NL			111	2.100.700	
8	PKT32	30/06	Lương CN ĐKMTC			334	4.751.500.	
9	PKT33	30/06	Trích khấu hao MTC			214	5.195.666	
10	PKT34	30/06	Kết chuyển CP SDMTC					40.883.000
			Cộng số phát sinh			x	40.883.000	40.883.000
			Số dư cuối kỳ			x	-	

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Căn cứ vào bảng số liệu trên kế toán định khoản:

Nợ TK 623 : 40.883.000

Có TK 111 : 9.473.000

Có TK 214 : 15.587.000

Có TK 334 : 15.823.700

Cuối quý, kế toán kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154) để tính giá thành sản phẩm. Tài khoản 623 không có số dư cuối kỳ.

Bút toán kết chuyển:

Nợ TK 154 : 40.883.000 (chi tiết cho công trình Quỳnh Khôi)

Có TK 623 : 40.883.000

2.1.4. Công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất chung.

Để tiến hành hoạt động sản xuất một cách thuận lợi và đạt hiệu quả, ngoài các yếu tố cơ bản về nguyên vật liệu, lao động trực tiếp sản xuất,... thực tế đòi hỏi phải tiêu hao một số yếu tố chi phí khác như: chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ dùng cho quản lý, chi phí tiếp khách, kiểm nghiệm,... Những khoản chi phí này tuy không trực tiếp tham gia vào việc cầu thành thực thể xây lắp nhưng lại có một vai trò khác rất quan trọng là giúp cho hoạt động sản xuất diễn ra nhịp nhàng, đều đặn. Đó là chi phí sản xuất chung. Ở Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên, khoản mục chi phí này gồm các yếu tố sau:

- Chi phí nhân viên quản lý đội, chi phí nhân công vận hành máy thi công được phản ánh vào tài khoản 6271.
- Chi phí khấu hao phản ánh trên tài khoản 6274, thiết bị quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài phản ánh trên tài khoản 6278.

Các chứng từ kế toán sử dụng:

- + Phiếu chi
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao
- + Phiếu xuất kho
- + Các hoá đơn tiền điện thoại, điện, nước...

- ***Đối với chi phí khấu hao tài sản cố định.***

Công ty áp dụng cách tính khấu hao đều. Mức khấu hao trích hàng tháng được tính như sau:

$$\text{Mức khấu hao trích trong tháng} = \frac{\text{Nguyên giá tài sản cố định}}{\text{Thời gian sử dụng (Tháng)}}$$

Biểu số 12:

Công ty TNHH Kiến Trúc

Xây Dựng Trung Xuyên.

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Quý 2 năm 2010

Công trình: Nhà máy sản xuất mũ giấy và giấy xuất khẩu Quỳnh Khôi.

Đơn vị: đồng

S	T	Tài sản	TK 623	TK 627	TK 642	Tổng cộng
1		Văn phòng			5.268.500	5.268.500
2		Máy móc thiết bị	15.587.000	12.425.000	2.565.480	32.577.480
3		Phương tiện vận tải		47.356.500	2.940.000	50.305.500
4		Thiết bị quản lý			3.460.200	3.460.200
		Tổng cộng	15.587.000	59.781.500	14.234.180	91.711.800

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Căn cứ vào bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định kế toán ghi khấu hao tài sản cố định phân bổ vào chi phí sản xuất chung theo định khoản:

Nợ TK 627 : 59.781.500

Có TK 214 : 59.781.500

Đối với nhân viên quản lý phân xưởng, cách tính lương được áp dụng là lương theo thời gian. Từ đó, kế toán lập bảng tính và phân bổ tiền lương vào chi phí sản xuất chung trong kỳ.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 627 : 55.489.500 đồng

Có TK 334 : 55.489.500 đồng

Trích các khoản theo quy định như sau:

- Tổng BHXH: $55.489.500 \times 16\% = 8.878.320$ đ
- Tổng BHYT: $55.489.500 \times 3\% = 1.664.685$ đ
- Tổng KPCĐ: $55.489.500 \times 2\% = 1.109.790$ đ.
- Tổng BHTN : $55.489.500 \times 1\% = 554.895$ đ

Các khoản trích trừ vào thu nhập nhân viên quản lý, giám sát đội bao gồm: 6% BHXH, 1.5% BHYT, 1% BHTN trích trên tiền lương cơ bản của nhân viên.

$$55.489.500 \times 8.5\% = 4.716.608 \text{ đ}$$

Việc phản ánh vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết và Sổ tổng hợp được thực hiện tương tự như đối với chi phí nhân công trực tiếp.

Ngoài ra, còn có các khoản chi bằng tiền khác như sau:

- + Chi phí dịch vụ mua ngoài là các khoản chi phí như tiền điện, điện thoại, nước, vệ sinh môi trường...
- + Chi phí khác bằng tiền là các khoản chi phí phát trong quá trình sản xuất, được chi trực tiếp bằng tiền mặt.
- + Chứng từ chủ yếu được sử dụng để hạch toán các khoản CP này là Hoá đơn, Phiếu chi..

Căn cứ vào các chứng từ trên, hàng ngày kê toán vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó, lấy số liệu từ Nhật ký chung để vào Sổ cái Tài khoản 627.

Biểu số 13:*Công ty TNHH Kiến Trúc**Xây Dựng Trung Xuyên.***BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG****Quý 2 năm 2010****Công trình: Nhà máy sản xuất mũ giấy và giấy xuất khẩu Quỳnh Khôi.**

STT	Loại chi phí	Tổng số tiền
1	Lương nhân viên quản lý công trình.	55.489.500
2	Trích các khoản theo quy định.	16.924.298 + 25.578.824 = 42.503.122
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	59.781.500
4	Chi phí bằng tiền khác	35.620.000
	Tổng cộng	193.394.122

Người lập bảng*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Căn cứ vào các chứng từ đã có: Bảng phân bổ lương và BHXH, Bảng kê xuất kho vật tư, Hoá đơn,... kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 627 và các tài khoản có liên quan.

Biểu số 14:

Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng

Trung Xuyên.

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH TÀI KHOẢN 627

Quý 2 năm 2010

Công trình: nhà máy sản xuất mũ giấy và giấy xuất khẩu Quỳnh Khôi.

NTGS	Chứng từ gốc		Diễn giải	Ghi nợ TK 627					Ghi có tài khoản
	SH	NT		Lương quản lý đội 6271	Trích các khoản theo lương	KH TSCĐ 6274	Dịch vụ mua ngoài 6277	Cộng nợ TK 627	
30/06/2010	PKT52	30/06/2010	Lương quản lý đội quý 2	55.489.500				55.489.500	334
30/06/2010	PKT53	30/06/2010	Trích lương QL, NCTT quý 2		42.503.122			42.503.122	338
30/06/2010	PKT54	30/06/2010	Khấu hao TSCĐ quý 2			59.781.500		59.781.500	214
30/06/2010	PC88	30/06/2010	Thanh toán điện nước quý 2				35.620.000	35.620.000	111
			Tổng cộng	55.489.500	42.503.122	59.781.500	35.620.000	193.394.122	

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 15:

Công ty TNHH Kiến Trúc

Xây Dựng Trung Xuyên.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 2 năm 2010

Đơn vị: đồng

NT GS	CT		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
							
18/04	PC68	18/04	Thanh toán điện nước			627 133 111	9.409.091 940.909	10.350.000
20/05	PC72	20/05	Thanh toán điện nước.			627 133 111	13.181.818 1.318.182	14.500.000
							
30/06	PKT52	30/06	Lương quản lý đội quý 2			627 334	55.489.500	55.489.500
30/06	PKT53	30/06	Các khoản trích theo lương			627 338	42.503.122	42.503.122
30/06	PKT54	30/06	Khấu hao TSCĐ quý 2			627 214	59.781.500	59.781.500
30/06	PKT64	30/06	Kết chuyển chi phí SXC			154 627	193.394.122	193.394.122
							
			Cộng phát sinh				15.120.580.000	15.120.580.000

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 16:

Công ty TNHH Kiến Trúc

Xây Dựng Trung Xuyên.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 627

Quý 2 năm 2010

Nhà máy SX mũ giấy và giấy XK

Quỳnh Khôi.

S T T	Chứng từ gốc		Diễn giải	NKC		TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có
			SĐĐK				-	
1	PC68	18/04	Chi phí mua ngoài			111	10.350.000	
2	PKT36	30/04	Lương quản lý đội			334	18.496.500	
3	PKT37	30/04	Trích lương QL, NCTT			338	14.167.707	
4	PKT38	30/04	Khấu hao TSCĐ			214	19.927.166	
							
8	PC72	20/05	Chi phí mua ngoài			111	14.500.000	
9	PKT52	31/05	Lương quản lý đội			334	18.496.500	
							
	PKT64	30/06	Kết chuyển chi phí SXC			154		193.394.122
			Cộng SFS			x	193.394.122	193.394.122
			SĐCK			x	-	

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

3. Tổng hợp chi phí sản xuất và xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

3.1. Tổng hợp chi phí sản xuất.

Cuối mỗi quý, kế toán tổng hợp tiến hành tính giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành trong quý. Thành phần của giá thành gồm bốn khoản mục: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung. Căn cứ vào bảng tổng hợp vật liệu, bảng tổng hợp lương nhân công trực tiếp thi công, Bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công, Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung, kế toán tổng hợp lập các bút toán kết chuyển các tài khoản chi phí 621, 622, 627, 623 vào bên Nợ tài khoản 154 chi tiết theo công trình và lập Bảng tổng hợp chi phí sản xuất của từng công trình theo quý.

Cụ thể, chi phí sản xuất được tập hợp trong quý 2/2010 của công trình Nhà máy sản xuất mũ giấy và giấy xuất khẩu Quỳnh Khôi như sau:

Biểu số 17:

Công ty TNHH Kiến Trúc

Xây Dựng Trung Xuyên.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT

Quý 2 năm 2010

Công trình: Nhà máy sản xuất mũ giấy và giấy xuất khẩu Quỳnh Khôi.

STT	Khoản mục chi phí	Số tiền
1	<i>Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i>	668.910.400
2	<i>Chi phí nhân công trực tiếp</i>	112.560.000
3	<i>Chi phí sử dụng máy thi công</i>	40.883.000
4	<i>Chi phí sản xuất chung</i>	193.394.122
	Tổng cộng	1.015.747.522

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

3.2. Xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Cuối quý, cán bộ kỹ thuật, chỉ huy công trình và bên chủ đầu tư ra công trường để nghiệm thu phần hoàn của công trình và xác định phần dở dang cuối quý. Cán bộ kỹ thuật sau đó lập Bảng kiểm kê khối lượng xây lắp hoàn thành trong quý và dở dang cuối quý theo dự toán từng khoản mục gửi về phòng kế toán. Căn cứ vào Bảng kiểm kê cùng với số liệu về tổng chi phí thực tế dở dang đầu quý, chi phí thực tế phát sinh trong quý, kế toán tính ra chi phí dở dang thực tế cuối quý theo nguyên tắc là giá trị khối lượng xây lắp chưa đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã qui định và được tính giá theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn dở dang theo giá trị dự toán của chúng.

Do công trình nhà máy sản xuất mũ giấy và giấy xuất khẩu Quỳnh Khôi không có dở dang cuối kỳ nên sau khi tính được các khoản mục trên kế toán tính ngay ra tổng giá thành công trình hoàn thành trong quý 2 năm 2010.

4. Tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

4.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Cũng tương tự như các doanh nghiệp xây lắp khác, đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp của công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên là từng công trình hoặc hạng mục công trình. Do đó, trên cơ sở các chi phí đã tập hợp được cho từng công trình hoặc hạng mục công trình, kế toán tổng hợp tiến hành tính giá thành cho đối tượng đó.

4.2. Kỳ tính giá thành.

Do sản phẩm xây lắp có đặc điểm là thời gian thi công kéo dài, nên ở công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên kỳ tính giá thành được xác định là cuối mỗi quý. Dựa vào các chứng từ về chi phí tập hợp được trong cả quý, cuối quý, kế toán tổng hợp tiến hành tính giá thành cho từng công trình hoặc hạng mục công trình.

4.3. Phương pháp tính giá thành.

Căn cứ vào đặc điểm chung của sản phẩm xây lắp và điều kiện cụ thể của mình, Công ty lựa chọn phương pháp tính giá thành trực tiếp áp dụng cho các sản phẩm của mình.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{dở dang} & + & \text{phát sinh} & - & \text{dở dang} \\ \text{xây lắp} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Do đó, dựa vào kết quả tập hợp chi phí và xác định chi phí dở dang cuối quý kế toán ghi vào bản báo cáo giá thành xây lắp cho từng công trình và cho toàn Công ty quý 2 năm 2010.

Với số liệu công trình nhà máy sản xuất mũ giấy và giày xuất khẩu Quỳnh Khôi là:

Chi phí dở dang đầu kỳ : 8.920.508.299 đồng.

Chi phí phát sinh trong kỳ : 1.015.747.522 đồng

Cuối quý 2 năm 2010 công trình hoàn thành nghiệm thu và bàn giao cho chủ đầu tư theo giá thành thực tế của công trình là:

$$8.920.508.299 + 1.015.747.522 = 9.936.255.821 \text{ đồng.}$$

Kế toán tiến hành lập báo cáo giá thành công trình nhà máy sản xuất mũ giấy và giày xuất khẩu Quỳnh Khôi.

Biểu số 18:**BÁO CÁO GIÁ THÀNH XÂY LẬP****Quý 2 năm 2010****Công trình: Nhà máy sản xuất mũ giấy và giày xuất khẩu Quỳnh Khôi.***Đơn vị: đồng.*

Khoản mục chi phí	Tổng chi phí phát sinh trong kỳ	Dở dang đầu kỳ	Dở dang cuối kỳ	Giá thành
NVLTT	668.910.400	4.088.502.798	0	4.757.413.198
NC TT	112.560.000	3.350.759.000	0	3.463.319.000
Máy TC	40.883.000	504.221.202	0	545.104.202
SXC	193.394.122	977.025.299	0	1.170.419.421
Cộng	1.015.747.522	8.920.508.299	0	9.936.255.821

Người lập bảng*(ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, họ tên)***Giám đốc***(ký, họ tên)*

Biểu số 19:

Công ty TNHH Kiến Trúc

Xây Dựng Trung Xuyên

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 2 năm 2010

Đơn vị: đồng

N T GS	Chứng từ gốc		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
							
30/ 06	PKT 72	30/ 06	Kết chuyển các khoản mục chi phí			154 621 622 623 627	1.015.747.522	668.910.400 112.560.000 40.883.000 193.394.122
30/ 06	PKT 73	30/ 06	Nghiệm thu bàn giao công trình Quỳnh Khôi.			632 154	9.936.255.821	9.936.255.821
							
			Cộng phát sinh				15.120.580.000	15.120.580.000

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 20:

Công ty TNHH Kiến Trúc

Xây Dựng Trung Xuyên

SỔ CÁI

Năm 2010

SHTK: 154

Tên tài khoản: *chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.*

Đơn vị: *tính*

NT GS	Chứng từ gốc		Diễn giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		T S	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				11.688.900.000	
							
30/ 06	PKT 72	30/ 06	Kết chuyển CPNVLTT, CPNCTT, CPSDMTC, CPSXC			621 622 623 627	668.910.400 112.560.000 40.883.000 193.394.122	
30/ 06	PKT 73	30/ 06	Nghiệm thu bàn giao công trình Quỳnh Khôi.			632		9.936.255.821
							
			Cộng số phát sinh				2.500.370.000	11.200.000.000
			Số dư cuối kỳ				2.989.270.000	

Người lập bảng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

PHẦN III

PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TRUNG XUYÊN.

1. Nhận xét chung về thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

Những năm gần đây nhu cầu về xây lắp tăng cao đã tạo điều kiện cho các công ty xây lắp mở rộng thị trường tiềm năng nhưng nó cũng tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp. Vì vậy, để tồn tại và phát triển bền vững công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên cần phát huy những ưu điểm và hạn chế, khắc phục những khuyết điểm.

1.1. Những ưu điểm.

Quá trình tìm hiểu và nghiên cứu thực tế công tác quản lý cũng như công tác hạch toán kế toán nói chung, kế toán tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty. Được sự quan tâm của giám đốc, ban lãnh đạo công ty, sự giúp đỡ nhiệt tình của phòng tài chính tổng hợp, chị kế toán trưởng tôi đã nhận thấy một số ưu điểm nổi bật như sau:

Về tổ chức quản lý: Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý khoa học, có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Với mô hình quản lý này, Công ty đã chủ động hơn trong hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh, tạo được uy tín trên thị trường.

Về tổ chức sản xuất: Bộ máy tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty gọn nhẹ và năng động, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả giúp cho Ban lãnh đạo Công ty quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất, giám sát thi công và tổ chức kế toán được tiến hành khoa học thích hợp.

Về bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ với những nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc,... lại được bố trí hợp lý, phù hợp với trình độ khả năng của mỗi người đã góp phần nâng cao hiệu quả của các thông tin phục vụ cho quản lý.

Về hệ thống chứng từ kế toán: Nhìn chung hệ thống chứng từ kế toán ban đầu của Công ty được tổ chức hợp pháp hợp lệ, đầy đủ. Ngoài hệ thống chứng từ theo qui định riêng của Bộ Tài chính, Công ty còn sử dụng một số chứng từ khác theo qui định riêng của Công ty cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Về hình thức sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đây là hình thức tương đối đơn giản, thuận lợi cho việc theo dõi sổ sách, đảm bảo thông tin lưu trữ đầy đủ, chính xác đáp ứng được nhu cầu kiểm tra, đối chiếu.

Về công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm: Mặc dù Công ty mới được thành lập, còn có nhiều khó khăn. Song công tác kế toán nói chung và hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng của Công ty đã đi vào nề nếp, phản ánh đúng thực trạng của Công ty, đáp ứng được yêu cầu quản lý mà Công ty đã đặt ra góp phần không nhỏ trong việc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ở Công ty đạt hiệu quả cao.

Phòng kế hoạch và Phòng kỹ thuật chịu trách nhiệm quản lý, giám sát về tiến độ, khối lượng, chất lượng công trình. Phòng kế toán giám sát về mặt tài chính phối hợp với Phòng kế hoạch và Phòng kỹ thuật lập thủ tục thanh toán với bên chủ đầu tư. Các đội trưởng đội thi công chịu ràng buộc trước Giám đốc, phải đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình thực hiện theo đúng dự toán tại Công ty. Công ty giao quyền chủ động cho đội trưởng đội thi công chịu trách nhiệm mua sắm vật tư, máy móc, thiết bị cho việc thi công các công trình. Các hoá đơn, chứng từ phải có sự ký duyệt của các phòng ban có liên quan.

Sự phối hợp như trên giữa các phòng ban Công ty với đội đã đảm bảo cho việc tính đầy đủ giá thành công trình, giải quyết mối quan hệ giữa Công ty với người lao động, chủ đầu tư,... góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm và tăng cường quản trị của Công ty.

Những ưu điểm trên là do kết quả lao động của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty trong đó có một phần không nhỏ là sự cố gắng của Phòng Kế toán, đã thực hiện tốt vai trò hạch toán quản lý tài chính của mình.

1.2. Những hạn chế và một số phương hướng hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên.

Mặc dù công ty đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể nhưng trong công ty không thể tránh khỏi những sai sót, hạn chế, những tồn tại nhất định trong công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng. Em xin đưa ra một số hạn chế và biện pháp khắc phục, hoàn thiện công tác hạch toán kế toán như sau:

✓ Bộ máy kế toán.

Để quản lý doanh thu, chi phí trong quá trình kinh doanh, công ty đã xây dựng được một bộ máy kế toán vừa hợp lý, vừa gọn nhẹ. Với quy mô không lớn nên việc tổ chức bộ máy kế toán hiện nay là tương đối hợp lý. Nhưng do đặc trưng của ngành xây dựng mà công ty đang chọn là ngành mũi nhọn thì nên tuyển thêm kế toán để chuyên môn hoá cho một kế toán theo dõi, tổ chức phụ trách riêng về mảng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Vì hoàn thiện công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm giúp cho doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và yêu cầu quản lý của Nhà nước đồng thời thực hiện nguyên tắc tiết kiệm, khoa học trong công tác kế toán và nhờ đó cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng. Đó cũng là một trong những yêu cầu có tính chiến lược đối với sự phát triển và lớn mạnh của mọi doanh nghiệp. Đồng thời tăng tính tập trung thống nhất trong công việc của từng người, từ đó sẽ mang lại hiệu quả chung cho công tác kế toán.

Hiện nay, công ty đang áp dụng hình thức kế toán tập trung nên các chứng từ kế toán đều được tập hợp về phòng kế toán của công ty. Do đó, công việc của kế toán nhiều đặc biệt vào cuối quý hay cuối kỳ kế toán. Đồng thời, công ty chưa trang bị phần mềm kế toán mà chủ yếu thực hiện trên Excel nên không thể tránh

khỏi nhầm lẫn, sai sót trong việc tính toán. ảnh hưởng đến tính kịp thời và tính chính xác khi lãnh đạo công ty cần xem sổ sách đột xuất.

Để tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty, bộ máy kế toán cần năng động hơn nữa trong việc tham mưu cho lãnh đạo công ty về các chiến lược giá, kế hoạch tăng vốn, mở rộng đầu tư ... đồng thời phải nâng cao hiệu quả giữa việc sử dụng chi phí và doanh thu mang lại. Luôn cập nhật thông về chế độ, chính sách kế toán, tài chính mới để vận dụng vào thực tế công tác kế toán tại công ty.

✓ ***Về việc luân chuyển chứng từ.***

Hiện nay, mặc dù Công ty đã có qui định rõ về định kỳ luân chuyển chứng từ lên Phòng Kế toán của công ty nhưng vẫn xảy ra tình trạng chứng từ được chuyển nên rất chậm. Chứng từ thanh toán chậm dẫn đến khối lượng công tác hạch toán dồn vào cuối lý, nên việc hạch toán không được kịp thời, chính xác.

Điều này không chỉ do nguyên nhân khách quan là các công trình thi công đôi khi phân bố ở những rất xa Công ty mà còn do cả nguyên nhân chủ quan từ phía đội thi công: họ không thực hiện đúng trách nhiệm luân chuyển chứng từ của mình.

Như vậy, theo em Công ty nên có biện pháp đôn đốc việc luân chuyển chứng từ từ phía kế toán đội, mà biện pháp tốt nhất là thực hiện về mặt tài chính. Xuất phát từ hình thức khoán của Công ty là Công ty tiến hành tạm ứng cho các đội để tự lo vật liệu, nhân công thuê ngoài,... Cho nên, để khắc phục những chậm chễ trong việc luân chuyển chứng từ, Công ty cần thực hiện nghiêm túc quy định: đội trưởng phải thanh toán dứt điểm chứng từ lần này mới được tạm ứng lần tiếp theo và mức độ tạm ứng cho mỗi lần phải được sự xem xét cẩn thận của các phòng ban liên quan. Qui định trên sẽ buộc các đội trưởng phải thực hiện trách nhiệm luân chuyển chứng từ đúng thời hạn.

✓ ***Về phương pháp tính giá thành.***

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất, đặc điểm của sản phẩm xây lắp và yêu cầu của công tác quản lý nên Công ty áp dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành xây lắp hoàn thành, như vậy là hợp lý và khoa học.

Song thực tế đặt ra cho thấy rằng, ngoài việc xây dựng mới các công trình, Công ty còn thực hiện nhiều hợp đồng cải tạo, nâng cấp, thiết kế lại các công trình.

Các hợp đồng loại này thường có đặc điểm là thời gian thi công thường ngắn, giá trị khối lượng xây lắp không lớn, nên bên chủ đầu tư thường thanh toán cho Công ty khi đã hoàn thành toàn bộ công trình theo hợp đồng.

Vì vậy, theo em, với những loại hợp đồng như trên, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tính giá thành, Công ty nên sử dụng thêm phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng ngoài phương pháp tính giá thành trực tiếp truyền thống của công ty. Ưu điểm của phương pháp này là cho phép quản lý chi phí và giá thành xây lắp của các đơn đặt hàng một cách chi tiết, chặt chẽ. Đồng thời, đây cũng là phương pháp tính toán đơn giản, nhanh chóng vì ngay khi hoàn thành hợp đồng có thể tính ngay được giá thành xây lắp của các đơn đặt hàng mà không phải đợi đến hết kỳ hạch toán, đáp ứng kịp thời số liệu cần thiết cho công tác quản lý.

✓ **Máy thi công.**

Hiện nay, công ty chưa có nhiều máy thi công, máy móc hay bị hỏng hóc nên công ty phải thuê ngoài, làm cho khoản mục chi phí sử dụng máy thi công tăng cao, dẫn đến tổng chi phí và giá thành công trình cao làm giảm khả năng cạnh tranh của công ty với các công ty khác trên thị trường. Vì vậy, công ty cần đầu tư mua thêm máy móc mới, thường xuyên sửa chữa bảo dưỡng máy móc tránh làm gián đoạn thi công. Và nên lập nhật trình cho máy thi công để giảm nhiên liệu và sử dụng tối đa công suất của máy móc thi công.

✓ **Vật liệu xây dựng.**

Công ty chưa theo dõi và quản lý chặt chẽ công tác thu hồi vật liệu thừa cũng như chưa loại trừ được giá trị vật tư thu hồi như: vữa, cát, đá, sỏi, xi măng..... công nhân thì sử dụng vật tư lãng phí khi thi công. Làm cho kế toán không xác định được chính xác giá thành của các công trình, giá thành các công trình bị tăng lên. Công ty nên chú trọng vào công tác giám sát, quản lý chặt chẽ hơn nữa, giáo dục ý thức tiết kiệm tới công nhân. Nếu biện pháp giáo dục, tuyên truyền chưa đủ thì công ty có thể đánh trực tiếp vào thu nhập của người lao động. Làm được như vậy công ty sẽ giảm được khoản chi phí đáng kể.

Ngoài ra, công ty không sử dụng tài khoản 152_ Nguyên liệu, nhiên liệu và tài khoản 153_ Công cụ, dụng cụ, không phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng

cụ cho từng công trình. Công ty coi những khoản vật tư này như một khoản vật liệu phụ, phân bổ một lần ngay khi xuất dùng. Do vậy, kế toán không thể theo dõi một cách chính xác các nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng cho các công trình hạng mục công trình.

Từ những thực tế trên em mạnh dạn đưa ra một số biện pháp có thể áp dụng nhằm giảm chi phí sản xuất và giá thành xây lắp cho công ty:

2. Một số biện pháp giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm xây lắp.

Trong các doanh nghiệp sản xuất vật chất nói chung và doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng cơ bản nói riêng, muốn tồn tại và phát triển phải luôn luôn quan tâm đến các biện pháp giảm chi phí, hạ giá thành mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Giá thành là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của doanh nghiệp. Nó là căn cứ để phân tích, tìm các biện pháp hạ giá thành nhưng hạ giá thành phải trên cơ sở tính đúng, tính đủ các khoản chi phí phát sinh.

Xuất phát từ đặc điểm của công ty, em xin đưa ra một số biện pháp hạ thấp giá thành sản phẩm như sau:

2.1. Tiết kiệm nguyên vật liệu.

❖ Trên cơ sở khối lượng công việc đặt ra, công ty tiến hành giao việc mua sắm vật liệu cho các đội sản xuất. Đồng thời yêu cầu các đội sản xuất phải chấp hành nghiêm chỉnh qui định về định mức tiêu hao vật liệu, đơn giá vật liệu, đảm bảo chất lượng công trình.

❖ Địa bàn xây dựng của công ty rất rộng, nên công ty nên tìm kiếm, mở rộng quan hệ với nhiều bạn hàng để khi cần là có thể mua vật liệu để mua vật liệu ở nơi gần nơi thi công nhất, vận chuyển ngay đến chân công trình mà vẫn đảm bảo chất lượng, số lượng vật liệu và chất lượng công trình. Nhờ vậy sẽ tránh được tình trạng tồn đọng vật liệu quá nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình, đồng thời giảm được chi phí vận chuyển.

❖ Giảm hao phí đến mức thấp nhất trong công tác thu mua, vận chuyển, bảo quản và sử dụng vật tư, không để cho vật tư hao hụt, mất mát hoặc xuống cấp.

❖ Trong điều kiện có thể, công ty nên sử dụng một cách hợp lý vật liệu thay thế do địa phương sản xuất.

❖ Cử cán bộ năng động, nhiệt tình trong công việc để tìm kiếm những nhà cung cấp lâu dài, cung cấp vật liệu đảm bảo chất lượng với giá rẻ hơn giá thị trường.

❖ Có chế độ khen thưởng cũng như xử phạt thích đáng với cá nhân, tập thể sử dụng tiết kiệm hay lãng phí vật liệu.

2.2. Tăng năng suất lao động.

Tăng năng suất lao động là giảm mức hao phí lao động cần thiết cho một đơn vị sản phẩm hoàn thành. Để thực hiện được điều này, công ty cần nghiên cứu, tổ chức quá trình thi công một cách khoa học. Các bước công việc được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, không để sản xuất bị ngắt quãng cũng như không được tăng cường độ quá mức gây mệt mỏi cho công nhân viên, làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình. Phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện lao động cần thiết như: công cụ dụng cụ, bảo hộ lao động, cung cấp nguyên vật liệu kịp thời...

Ngoài ra, công ty nên thường xuyên ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới vào sản xuất, tuyển dụng và đào tạo các kỹ sư, công nhân lành nghề nhằm nâng cao năng suất lao động, đồng thời cũng nên sử dụng các chính sách khen thưởng, đãi ngộ để khuyến khích người lao động.

2.3. Tiết kiệm chi phí sử dụng máy thi công.

Có thể tiết kiệm chi phí sử dụng máy thi công bằng cách nâng cao công suất sử dụng máy, tiết kiệm nguyên vật liệu sử dụng cho chạy máy. Trong điều kiện có thể công ty nên đầu tư mua sắm hoặc thuê các loại máy thi công ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vì mặc dù giá mua hoặc thuê hơi cao nhưng công suất sử dụng máy sẽ rất lớn, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng máy móc. Đồng thời, với các loại máy thi công của công ty đã quá lạc hậu thì nên thanh lý ngay để đầu tư máy móc mới tránh để ứ đọng vốn. Những biện pháp trên sẽ giúp nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian thi công và tiết kiệm chi phí.

2.4. Tiết kiệm chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất thường bao gồm nhiều loại và rất dễ xảy ra tình trạng lãng phí, chi dùng sai mục đích... Chính vì vậy, công ty cần có các qui chế cụ thể nhằm giảm bớt các khoản chi phí này như: các khoản chi đều phải có chứng từ xác minh, chỉ ký duyệt đối với các khoản chi hợp lý, hợp lệ, xử phạt thích đáng đối với các hành vi lạm chi, chi sai mục đích,... Tuy nhiên, với các khoản chi hợp lý cần phải giải quyết kịp thời để đảm bảo thuận lợi cho hoạt động sản xuất.

Tóm lại, có thể thấy rằng để có thể nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng, công ty phải sử dụng đồng thời rất nhiều biện pháp. Và để các chính sách của công ty thực sự đem lại tác dụng thì công ty cần thực hiện tốt các biện pháp sau khi biện pháp này được thực hiện thì có tác động tích cực tới thực thi các biện pháp khác. Được như vậy thì công ty mới có thể tồn tại và phát triển bền vững trên thị trường. Đây là nguyên tắc chung cho tất cả các đơn vị kinh tế tham gia kinh doanh trên thị trường.

KẾT LUẬN

Qua quá trình đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu tình hình thực tế, em nhận thức sâu sắc được rằng: Hạch toán kế toán nói chung và hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm nói riêng có vai trò đặc biệt quan trọng nhất là trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Những thông tin mà kế toán cung cấp đặc biệt là thông tin về chi phí và giá thành sản phẩm giúp doanh nghiệp có cơ sở xác định kết quả kinh doanh cũng như đánh giá được khả năng và thực trạng sản xuất kinh doanh thực tế của doanh nghiệp, từ đó đề ra những biện pháp quản lý kinh doanh thích hợp. Ngoài ra, những thông tin này còn là cơ sở để doanh nghiệp phân tích, đánh giá phục vụ công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp nhằm mục tiêu tiết kiệm và nâng cao hiệu quả của chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Do đó, cải tiến và hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một trong những yêu cầu không thể thiếu đối với sự phát triển và lớn mạnh của doanh nghiệp nhằm phát huy vai trò kế toán là giám đốc bằng tiền đối với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách toàn diện và có hệ thống, phát hiện và khai thác mọi khả năng tiềm tàng trong quá trình hoạt động.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên, em nhận thấy công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty rất được chú trọng và được thực hiện tương đối đầy đủ theo đúng chế độ kế toán của nhà nước phần nào đã đáp ứng được yêu cầu quản lý của công ty hiện nay. Tuy nhiên, vì mục tiêu phát triển chung của công ty, công tác kế toán cũng cần phải có những bước đổi mới, hoàn thiện hơn nữa, đặc biệt là công tác quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm để phục vụ mục đích quản trị nội bộ. Nhận thức được điều đó nên em đã đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên và hoàn thành luận văn tốt nghiệp của mình với nội dung

“Hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất - tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên”

Trong bài viết của mình em đã có những phân tích, đề xuất dưới góc nhìn của một sinh viên kế toán đối với công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm của Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên. Ngoài ra, do thời gian tiếp xúc với thực tế chưa nhiều nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô giáo trong khoa kế toán cũng như các thầy cô giáo trong trường cùng Ban lãnh đạo và các bác, các chú, các anh chị trong phòng kế toán công ty để nhận thức của em về vấn đề này ngày càng hoàn thiện hơn.

Để hoàn thành bài khóa luận này, em xin chân thành cảm ơn sự chỉ bảo, giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn **Ths. Ngô Thị Thanh Huyền** cùng các thầy cô giáo khoa kế toán trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, cảm ơn Ban lãnh đạo và các cán bộ phòng tài chính kế toán công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Trung Xuyên đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho em trong suốt thời gian thực tập cũng như thời gian em làm bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

